



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

DIASPORIC LITERATURE BY CHINESE AMERICAN WRITERS: IDENTITY, AESTHETIC FEATURES, AND EMERGING TRENDS

Ngo Viet Hoan*

VNU University of Social Sciences and Humanities, No. 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 17 May 2025

Revised 30 October 2025; Accepted 24 November 2025

Abstract: This study explores representative works of Chinese diasporic writers in the United States - particularly those of the new migration wave since the late 20th century - such as Ha Jin, Geling Yan, Lisa See, and Qiu Xiaolong. Drawing on contemporary critical frameworks including cultural criticism, identity theory, and migration literature studies, the research examines how these authors portray experiences of displacement, identity crises, and the reconstitution of selfhood in a multicultural American context. Through interdisciplinary textual and comparative analysis, the paper demonstrates that Chinese American literature not only reflects the tensions between Eastern and Western cultural values but also illustrates a shift from marginal migrant consciousness to a fluid aesthetics of hybrid identity. These literary works transcend nostalgia or exile to engage with universal human concerns, contributing to a transnational literary discourse that crosses national and cultural boundaries. Furthermore, the study highlights the emerging significance of Chinese language online literature in the U.S. as a new platform for diasporic expression, expanding the narrative space and communicative reach of migrant literature. By identifying aesthetic tendencies, ideological values, and future trajectories, this paper situates Chinese diasporic literature as a vital component of contemporary global literary production.

Keywords: Chinese American literature, diaspora, identity, intercultural aesthetics, globalization

* Corresponding author.

Email address: ngoviethoan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5526>

VĂN HỌC DI CƯ CỦA CÁC NHÀ VĂN HOA KIỀU TẠI MỸ: CĂN TÍNH, ĐẶC ĐIỂM VÀ XU THẾ

Ngô Việt Hoàn

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 17 tháng 5 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 10 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 11 năm 2025

Tóm tắt: Thông qua khảo sát văn học Hoa kiều tại Mỹ trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là sáng tác của thế hệ di cư mới từ cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI như: Ha Kim (Ha Jin), Nghiêm Ca Linh (Yan Geling), Lí Dật Vân (Li Yiyun) và Câu Tiểu Long (Qiu Xiaoliong); vận dụng phê bình văn hóa, lý thuyết căn tính và nghiên cứu văn học di cư, bài viết phân tích cách các tác giả tái hiện trải nghiệm ly hương, khủng hoảng bản sắc và hành trình định hình lại căn tính trong xã hội đa chủng Mỹ. Qua phương pháp phân tích văn bản kết hợp so sánh - liên ngành, nghiên cứu cho thấy văn học Hoa kiều không chỉ phản ánh xung đột Đông - Tây, mà còn thể hiện sự chuyển hóa từ cảm thức ngoại biên sang mỹ học bản sắc linh hoạt. Các tác phẩm không dừng lại ở hoài niệm hay đứt gãy di cư, mà còn chạm đến xung động nhân tính phổ quát, góp phần kiến tạo một diễn ngôn văn học liên văn hóa vượt qua biên giới dân tộc và địa lý. Bài viết cũng bước đầu nhận diện vai trò của văn học mạng Hoa ngữ tại Mỹ như một hình thức sáng tác mới, mở rộng không gian biểu đạt và lan tỏa của văn học di cư. Qua đó, nghiên cứu góp phần làm rõ đặc điểm thẩm mỹ, chiều sâu tư tưởng và xu hướng phát triển của văn học Hoa kiều, đồng thời khẳng định vị trí của văn học di cư trong tiến trình toàn cầu hóa văn học đương đại.

Từ khoá: văn học Hoa kiều tại Mỹ, di cư, căn tính, mỹ học liên văn hóa, toàn cầu hóa

1. Đặt vấn đề

Trong bản đồ văn học thế giới đương đại, văn học di cư đã trở thành một bộ phận quan trọng, góp phần định hình các khuynh hướng sáng tác và tư duy phê bình mới trong bối cảnh toàn cầu hóa và giao lưu văn hoá sâu rộng. Trong nghiên cứu quốc tế, văn học di cư được tiếp cận như một hiện tượng trung tâm phản ánh những trải nghiệm xuyên biên giới, sự lai ghép bản sắc và tiến trình kiến tạo chủ thể trong môi trường đa văn hóa. Các học giả như Salman Rushdie, Homi Bhabha, Gayatri Spivak hay Aihwa Ong đã nhấn mạnh thuộc tính “lai ghép” và “giải lãnh thổ hóa” (deterritorialization) như bản chất căn cốt của văn chương di dân hiện đại, nơi chủ thể sáng tác không bị ràng buộc bởi biên giới quốc gia, ngôn ngữ hay vị thế địa - văn hoá cố định. Trong mạch nghiên cứu đó, văn học di cư gốc Ấn và gốc Hoa trở thành hai hệ hình quan trọng, được khảo sát trong tương quan với các diễn ngôn hậu thực dân, bản sắc xuyên quốc gia và quyền lực văn hóa chủ lưu. Đặc biệt, những nghiên cứu về văn học Hoa kiều tại Mỹ cho thấy chiều sâu của quá trình thương thuyết căn tính thiếu sót và nhu cầu tái định nghĩa bản sắc trong cấu trúc diễn ngôn phương Tây. Như vậy, văn học di cư không chỉ biểu đạt nỗi niềm hoài hương mà còn vươn lên thành diễn ngôn phản biện có khả năng góp phần tái cấu trúc ý niệm về căn tính, cộng đồng và quyền lực văn hoá trong thời đại toàn cầu hóa.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về văn học di cư cũng chứng kiến sự phát triển đáng kể trong những năm gần đây, với nhiều công trình tiếp cận hiện tượng này từ những phương diện lý thuyết phong phú. Trần Lê Hoa Tranh (2020) được xem là người đặt nền tảng trong việc hệ thống hóa các thế hệ nhà văn Việt tại Mỹ, qua đó nhấn mạnh vai trò của văn học di cư đối với việc tái định hình bản sắc văn học dân tộc. Lê Thị Bích Hạnh (2022) xem tiểu thuyết nữ hải

ngoại như một không gian giao thoa giữa diễn ngôn bản địa và toàn cầu, trong khi Trần Tịnh Vy (2021) nhấn mạnh yếu tố ký ức và sự đứt gãy không gian thời gian trong sáng tác của cộng đồng Việt tại Đức. Các bài viết của Thư Vũ (2021) và Nguyệt Hà (2022) tiếp cận văn học hải ngoại như nhịp cầu kết nối văn học Việt trong và ngoài nước, còn Mai Trần Bích Ngọc (2021) khảo sát tiểu thuyết *Chinatown, Paris 11 tháng 8* của nhà văn Thuận để làm rõ các tầng cảm xúc và căng thẳng bản sắc của nhân vật nữ di dân. Tuy nhiên, so với các nghiên cứu này, khảo cứu tại Việt Nam về văn học Hoa kiều tại Mỹ vẫn còn rời rạc, thiếu hệ thống đối sánh thể hệ và chưa khai thác đầy đủ chiều sâu diễn ngôn căn tính tương quan văn hóa chính trị.

Hiện tượng người Hoa di cư sang Mỹ đã xuất hiện từ khá sớm và trở nên rõ nét kể từ giữa thế kỷ XIX, đặc biệt là trong giai đoạn 1840-1860 (Chang, 2003; Takaki, 1998; Lee, 2015). Các làn sóng nhập cư trong thời kỳ này chủ yếu liên quan đến nhu cầu lao động phục vụ cho công cuộc khai thác vàng trong Con sốt vàng California (1848-1855) và xây dựng tuyến đường sắt xuyên lục địa. Quá trình di cư này đã hình thành nên những cộng đồng người Hoa tại Mỹ mang đậm bản sắc văn hóa riêng, đồng thời làm nổi bật những xung đột cũng như sự giao thoa văn hóa giữa người Hoa và xã hội chủ lưu. Mặc dù cộng đồng người Hoa đã có những đóng góp quan trọng trong quá trình kiến thiết và phát triển nước Mỹ, họ vẫn luôn phải đối mặt với các thách thức dai dẳng liên quan đến việc xác lập và khẳng định căn tính của chính mình trước những định kiến chủng tộc và khuôn mẫu văn hóa phổ biến trong xã hội. Trong bối cảnh phức tạp đó, văn học của người Hoa di cư tại Mỹ nổi lên như một phương tiện biểu đạt thiết yếu, không chỉ nhằm ghi lại trải nghiệm cá nhân và tập thể mà còn đóng vai trò như một công cụ đấu tranh văn hóa đầy sức nặng. Văn học của người Hoa di cư mới tại Mỹ được hiểu là những tác phẩm văn học được viết bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh bởi các tác giả đến từ Trung Quốc đại lục, đặc biệt là những người sang Mỹ du học kể từ làn sóng “xuất ngoại” bắt đầu vào thập niên 1980. Thuật ngữ “mới” trong khái niệm “di cư mới” không chỉ mang ý nghĩa về mặt thời gian, mà còn phản ánh sự khác biệt căn bản trong trải nghiệm di cư, tư duy văn hóa và chiến lược sáng tạo giữa nhóm tác giả này với các thế hệ người Hoa sinh ra và lớn lên tại Mỹ. Thông qua tác phẩm văn học, các nhà văn Mỹ gốc Hoa đã nỗ lực phá bỏ những hình ảnh định kiến do văn hóa chủ lưu áp đặt, đồng thời tái khẳng định vị trí, giá trị và tiếng nói của cộng đồng mình trong lòng xã hội Mỹ đa văn hóa.

Chính bởi lẽ đó, văn học di cư của người Hoa tại Mỹ không đơn thuần là văn học nhập cư, mà còn là một hình thức diễn ngôn văn hóa - chính trị mạnh mẽ, góp phần làm sáng tỏ các vấn đề về bản sắc dân tộc, sự hội nhập và đối thoại văn hóa trong xã hội hiện đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, các vấn đề về di cư, căn tính sắc tộc và tương tác văn hóa đang ngày càng trở nên phổ biến và nhận được sự quan tâm rộng rãi. Việc nghiên cứu văn học người Hoa di cư tại Mỹ hiện nay, vì thế, mang ý nghĩa cấp thiết không chỉ về mặt học thuật mà còn ở tầm chiến lược văn hóa. Bài viết này kỳ vọng lấp đầy khoảng trống học thuật nói trên bằng cách đề xuất một hướng tiếp cận liên ngành, kết hợp phân tích văn bản và lý thuyết hậu thực dân, để từ đó làm nổi bật đặc điểm, thành tựu và triển vọng của văn học Hoa Kiều tại Mỹ như một bộ phận năng động trong dòng chảy văn học di dân toàn cầu; qua đó, góp phần hoàn thiện nền tảng lý luận cho nghiên cứu văn học xuyên quốc gia tại Việt Nam và mở rộng đối sánh với các điển hình văn học di cư trên thế giới. Thông qua việc phân tích các tác giả và tác phẩm tiêu biểu trong văn học Mỹ gốc Hoa, bài viết này hướng đến mục tiêu làm rõ tiến trình hình thành căn tính văn hóa của cộng đồng di dân đặc thù này, đồng thời khẳng định vai trò của văn học như một tác nhân thúc đẩy sự hòa nhập và đối thoại văn hóa toàn cầu. Qua đó, bài viết làm rõ vai trò của văn học như một không gian kiến tạo bản sắc và phản ánh quá trình định vị văn hóa của cộng đồng Hoa kiều tại Mỹ.

2. Vấn đề căn tính dân tộc¹ trong sáng tác của các nhà văn người Hoa tại Mỹ

Nhà văn người Mỹ gốc Hoa nổi tiếng Thang Đình Đình (Tang Tingting 汤亭亭) cho rằng: “Lịch sử của người Mỹ gốc Hoa là của cuộc chiến không ngừng nghỉ để trở thành người Mỹ; chúng tôi không ngại gian khổ chiến đấu để giành được quyền công dân hợp pháp của nước Mỹ” (An, 2012, tr. 145). Các nhà văn người Mỹ gốc Hoa đã tận dụng ảnh hưởng của văn học để tích cực xây dựng căn tính Mỹ và sự thừa nhận quốc gia của những người Mỹ gốc Hoa. Văn học Mỹ gốc Hoa, do đó không chỉ là tài liệu lịch sử hay tư liệu nhân học, mà còn là những tác phẩm văn học độc đáo và giàu giá trị tuyên ngôn xã hội.

Một trong những nội dung then chốt trong diễn ngôn văn học Mỹ gốc Hoa là vấn đề căn tính, được hiểu không phải như bản chất cố định mà như một tiến trình kiến tạo và thương thuyết liên tục giữa ký ức nguồn cội và cấu trúc quyền lực của xã hội tiếp nhận. Người Mỹ gốc Hoa không thụ động mang theo một căn tính “gốc” bất biến và đơn tuyến; họ phải liên tục xác lập, đàm phán, điều chỉnh và tái định nghĩa mình trong mối quan hệ với các không gian văn hóa khác nhau. Theo Stuart Hall (1996), căn tính của các chủ thể di dân “luôn trong quá trình trở thành, chứ không phải đang là”, và chính tính chất đang-hình-thành này đã tạo nên động lực, căng thẳng và chiều sâu tư tưởng cho văn học Mỹ gốc Hoa. Không ngẫu nhiên khi Gish Jen khẳng định rằng “lịch sử của người Mỹ gốc Hoa là cuộc chiến không ngừng nghỉ để trở thành người Mỹ”. Lựa chọn ngôn ngữ của bà - sử dụng “Chinese American” thay vì “Chinese-American” - là một biểu hiện tinh vi của chiến lược định danh: bà đặt trọng tâm bản thể là “American”, còn “Chinese” chỉ mang ý nghĩa văn hóa bổ sung, phản ánh một vị trí chủ thể muốn hội nhập vào trung tâm văn hóa Mỹ mà không từ bỏ căn cốt ký ức Á Đông (Jen, 1996, tr. 72). Chính sự lựa chọn này thể hiện quan niệm căn tính như cấu trúc quyền lực: chỉ khi nhận thức được vị thế bất bình đẳng và bối cảnh phân tầng của xã hội Mỹ, nhà văn di dân mới ý thức được tầm quan trọng của quyền tự định nghĩa. Thế nhưng, chiến lược ấy không chỉ nhằm khẳng định tư cách công dân bình đẳng; nó còn là phản ứng chống lại cơ chế phân loại sắc tộc vốn mặc định người Á Đông là ngoại lai, là “khác biệt”. Do vậy, văn học Mỹ gốc Hoa không đơn thuần “thể hiện trải nghiệm di dân”, mà còn đóng vai trò như phương tiện tái thiết lịch sử, phá vỡ các diễn ngôn định sẵn về bản sắc. Qua đó, căn tính Hoa - Mỹ xuất hiện như một thực thể lai ghép, đa tầng, linh hoạt và đầy căng thẳng, vừa gắn với ký ức, dòng chảy lịch sử và hệ giá trị Á Đông, vừa tìm cách khẳng định sự hiện diện chính đáng trong không gian văn hóa Mỹ hiện đại.

Mặc dù các nhà văn Mỹ gốc Hoa nỗ lực khẳng định mình như một phần của văn hóa Mỹ, thực tế tiếp nhận cho thấy họ thường đối mặt với cơ chế gán nhãn² mang tính bản chất hóa sắc tộc. Đây là xung đột cơ bản giữa quyền tự định danh của chủ thể di dân và quyền lực diễn ngôn

¹ Trong bài viết này, “căn tính” được hiểu như một tiến trình kiến tạo xã hội - văn hóa mang tính động, không phải bản chất cố định; “căn tính dân tộc” chỉ sự tự ý thức thuộc về một cộng đồng văn hóa - lịch sử; còn “căn tính Mỹ” được xem như một cấu trúc diễn ngôn phản ánh sự thương thuyết giữa các giá trị Anglo - Tin Lành chủ lưu và trải nghiệm đa sắc tộc trong xã hội Hoa Kỳ. Trong bối cảnh này, căn tính trở thành phạm trù trung tâm, được hiểu như tiến trình thương thuyết liên tục giữa ký ức cộng đồng, hệ giá trị văn hóa nguồn và cấu trúc quyền lực của không gian tiếp nhận. Theo Stuart Hall, căn tính không phải là một thực thể cố định, mà là quá trình kiến tạo liên tục trong các quan hệ lịch sử - văn hóa và diễn ngôn xã hội (Hall, 1996, tr. 4). Điều này đặc biệt đúng với cộng đồng di dân, khi họ vừa phải gìn giữ ký ức nguồn cội, vừa kiến tạo bản sắc mới trong môi trường lai ghép văn hóa. Nhìn chung, các tiếp cận đó khẳng định văn học Hoa kiều không chỉ là tiếng nói hoài hương mà là diễn ngôn phản biện, can dự vào việc tái định nghĩa bản sắc Mỹ từ góc nhìn thiểu số.

² Việc xếp tác giả Mỹ gốc Hoa vào khuôn mẫu “nhà văn sắc tộc”, từ đó mặc định họ chỉ đại diện cho cộng đồng “người Hoa”, thay vì nhìn nhận họ như chủ thể của văn học Mỹ nói chung. Hệ quả là tác phẩm bị quy giản thành “văn chương di dân”, “văn chương Á Đông” thay vì được tiếp nhận như sản phẩm sáng tạo đa chiều.

của xã hội tiếp nhận. Trường hợp *Nữ chiến binh* là minh chứng điển hình: dù Gish Jen khẳng định tác phẩm của mình viết về “trải nghiệm Mỹ”, văn bản thường bị đọc như “câu chuyện Trung Quốc kỳ lạ”, hoặc như một dạng văn chương “sắc thái phê bình” mang tính bản chất về sự khác biệt. Điều này cho thấy, ở cấp độ tiếp nhận, văn học Mỹ gốc Hoa vẫn bị kéo mạnh về phía “ngoại vi văn hóa”, nơi căn tính bị quy giản thành hình ảnh văn hóa Đông Á tiền định thay vì được thừa nhận như một dạng biểu đạt hiện đại và đa chiều của văn hóa Mỹ (An, 2012, tr. 41; Wong, 1993). Như Zhang (2005) chỉ ra, chính các “giả định phương Đông luận” trong diễn ngôn chủ lưu Mỹ khiến công chúng và giới phê bình xem người Mỹ gốc Á như những chủ thể vĩnh viễn ngoại lai, dù họ sinh ra, lớn lên và sống trong lòng nước Mỹ. Cơ chế giải thích này phản ánh lăng kính bản chất luận của xã hội da trắng Anglo - Tin Lành, coi yếu tố dân tộc như một thuộc tính không thể thay đổi, thay vì một cấu trúc xã hội - dân tộc - lịch sử được kiến tạo và có thể thương thuyết. Cách tiếp nhận này cho thấy giới hạn của mô hình đa văn hóa Mỹ - nơi sự đa dạng được tán dương bề mặt nhưng các nhóm thiểu số không thực sự được giải phóng khỏi cấu trúc quyền lực phân cấp. Văn học Mỹ gốc Hoa, thay vì chỉ mang chức năng tự thuật, trở thành không gian phản tư về tính chính danh của chủ thể di dân và sự công nhận văn hóa. Xung đột giữa ý thức tự định danh và định danh áp đặt từ bên ngoài vì thế tạo ra chiều sâu lý luận cho văn học Mỹ gốc Hoa, đặt ra câu hỏi trọng tâm: liệu một chủ thể có thể hoàn toàn trở thành người Mỹ khi cấu trúc diễn ngôn vẫn khẳng định họ “khác biệt” dựa trên sắc tộc và lịch sử di dân? Văn học, trong trường hợp này, không chỉ trình hiện kinh nghiệm cá nhân, mà còn phơi bày cấu trúc quyền lực văn hóa - chính trị của Mỹ, nơi căn tính là chiến trường biểu tượng.

Trong bối cảnh nhà văn Mỹ gốc Hoa thường bị nhìn qua lăng kính sắc tộc, văn học trở thành phương tiện quan trọng để họ tái chiếm quyền phát ngôn và tái cấu trúc bản sắc công dân. Frank Chin khẳng định rằng ngay cả khi các nhà văn như ông sinh ra và lớn lên tại Mỹ, họ vẫn bị xem là “nhà văn di dân”, trong khi tương tự không bao giờ áp dụng đối với nhà văn da trắng. Điều này cho thấy sự khác biệt căn bản giữa căn tính pháp lý và căn tính văn hóa được xã hội công nhận. Hệ thống xuất bản Mỹ, theo Chin, vẫn hoạt động như cơ chế duy trì trật tự quyền lực, nơi nhóm da trắng nắm quyền kiểm soát diễn ngôn và xác định chuẩn mực “văn học Mỹ đích thực”. Khi Chin nói rằng “xã hội Mỹ vẫn nhắc rằng anh là người ngoại quốc”, ông không mô tả trải nghiệm cá nhân đơn lẻ mà chỉ ra bản chất hệ thống của quá trình “ngoại vi hóa” (Chin, 2002, tr. 92). Văn học Mỹ gốc Hoa vì thế trở thành một hình thức phê phán chính trị - nơi các nhà văn không chỉ miêu tả trải nghiệm cá nhân mà còn chất vấn cấu trúc quốc gia - dân tộc và quyền lực diễn ngôn. Đây là lý do vì sao nhiều nhà văn Mỹ gốc Hoa tạo ra các hình thức tự sự vượt khỏi lối viết “truyền thống về di dân”, thay vào đó tập trung vào các chủ đề phổ quát: đạo đức, lịch sử, chiến tranh, gia đình, quyền lực nhà nước... Họ khẳng định quyền được viết không chỉ với tư cách “đại diện văn hóa”, mà như những chủ thể sáng tạo bình đẳng trong hệ thống tri thức Mỹ. Do vậy, các chiến lược văn học như: tái chiếm diễn ngôn (*reclaiming narrative*), tái định nghĩa công dân (*reframing citizenship*), và giải bản chất hóa sắc tộc (*de-essentializing ethnicity*) trở nên nổi bật. Văn học, trong trường hợp này, chính là diễn địa của hành động chính trị - biểu tượng: nó cho phép người Mỹ gốc Hoa không chỉ kể câu chuyện của mình mà còn định nghĩa lại vị trí của họ trong lịch sử Mỹ (An, 2012, tr. 41). Theo tinh thần của Stuart Hall, đây là quá trình “trở thành” không ngừng, nơi chủ thể di dân kiến tạo bản sắc qua xung đột, thương thuyết và phản biện, thay vì chấp nhận vị trí có sẵn trong trật tự sắc tộc Mỹ (Hall, 1996, tr. 4).

Từ những dẫn dụ nêu trên có thể thấy rằng, cho dù Thang Đình Đình bắt đầu sự nghiệp sáng tác sau khi Đạo luật Loại trừ Người Hoa (Chinese Exclusion Act) bị bãi bỏ, hay Lôi Tô Uy (Lei Zuwei) và Nhậm Bích Liên (Ren Bilian) xuất hiện trong bối cảnh đa văn hóa được chính thức công nhận vào thập niên 1990, thì việc sinh ra tại Mỹ, được giáo dục theo hệ thống Mỹ, sở hữu quốc tịch Mỹ cũng không đủ để họ trở thành những “người Mỹ điển hình”. “Thuộc

tính Trung Quốc” dường như vẫn là yếu tố khiến họ không thể được nhìn nhận như một phần thực sự của cộng đồng người Mỹ chính thống (An, 2012, tr. 41). Nguyên nhân của sự loại trừ này nằm ở việc văn hóa chủ lưu tại Mỹ vẫn lấy hệ giá trị Anglo-Tin Lành làm trung tâm, nó đồng thời cũng được xem là tiêu chuẩn duy nhất để định danh ai là “người Mỹ thực thụ”. Các yếu tố cấu thành hệ giá trị này bao gồm ngôn ngữ Anh, hệ thống pháp luật - chính trị kế thừa từ Anh và đặc biệt là các nguyên lý đạo đức của đạo Tin Lành - được xem là hạt nhân tinh thần và nền tảng của cái gọi là “niềm tin Mỹ”³ (Ong, 1999; Takaki, 1998).

Trong lịch sử Hoa Kỳ, cộng đồng da trắng - đặc biệt là nhóm người Anglo-Saxon theo đạo Tin Lành - luôn chiếm vị thế thống trị trong cấu trúc quyền lực xã hội và văn hóa. Bất kỳ cộng đồng nhập cư nào muốn được công nhận là “người Mỹ” đều buộc phải tiếp thu và tuân thủ các giá trị cốt lõi của văn hóa Anglo-Tin Lành; nếu không, họ có nguy cơ bị loại trừ hoặc đẩy ra ngoài lề xã hội chủ lưu (Ong, 1999, tr. 19). Học giả Benjamin Schwartz từng chỉ ra rằng ngay cả trong nước Mỹ đa nguyên hiện nay, suốt hơn ba thế kỷ qua, các nguyên tắc tôn giáo, chính trị, phong tục, chuẩn mực đạo đức và hệ giá trị thiện ác vẫn chủ yếu được định hình bởi tầng lớp tinh hoa Anglo-Saxon. Tương tự, Samuel Huntington cho rằng bản sắc quốc gia Mỹ không thể tách rời khỏi nền văn hóa do các cộng đồng định cư đầu tiên xây dựng, và “niềm tin Mỹ” (American Creed) - vốn được xem là nền tảng tinh thần của Hoa Kỳ - chính là hiện thân của tinh thần Tin Lành (Huntington, 2004, tr. 60-63). Trong hệ hình văn hóa đó, người Hoa nhập cư trở nên “lạ lẫm” vì không chia sẻ các giá trị Cơ Đốc giáo, mà thay vào đó lại gắn bó với hệ thống quan hệ xã hội phức tạp như địa phương, huyết thống, tông tộc và tinh thần cố kết cộng đồng. Những yếu tố này khiến cộng đồng người Hoa bị nhìn nhận như những cá thể “khó hiểu”, “không thể đồng hóa”, thậm chí bị nghi ngờ là “tà ác” trong con mắt của xã hội chủ lưu da trắng (Liu, 2003, tr. 25).

Một biểu hiện quan trọng khác của căn tính dân tộc trong văn học Mỹ gốc Hoa nằm ở ý thức tự phục hồi và tái thiết lịch sử cộng đồng thông qua hành động phản kháng văn hóa. Từ thập niên 1960 - 1970, khi phong trào dân quyền của người Mỹ gốc Phi lan rộng và tinh thần “tự định danh sắc tộc” (ethnic self-definition) dâng cao, người Mỹ gốc Á bắt đầu từ chối vị thế “người ngoại cuộc trầm lặng”, thay vào đó khẳng định mình như một chủ thể lịch sử trong bức tranh quốc gia Mỹ (Cheung, 1993, tr. 3-22; Kim, 1993, tr. 101-113). Chính hoàn cảnh chính trị - xã hội này đã thúc đẩy thế hệ nhà văn Mỹ gốc Á đầu tiên kiến tạo diễn ngôn phản kháng: họ không chỉ phơi bày các định kiến chủng tộc mà còn phục dựng ký ức bị xóa mờ về những trải nghiệm đau thương như Đạo luật Loại trừ người Hoa (Chinese Exclusion Act 1882), trại di dân Angel Island hay các bi kịch đồng hóa cưỡng bức. Trong ý nghĩa đó, văn học trở thành phương tiện để họ giành lại quyền phát ngôn lịch sử, biến ký ức tập thể của cộng đồng Hoa kiều thành “nguồn vốn văn hóa” đối trọng với diễn ngôn chính thống. Điểm nhấn của giai đoạn này không chỉ nằm ở việc tái hiện bản sắc Trung Hoa, mà ở chỗ các tác giả chủ động kết hợp căn tính dân tộc với ý thức đấu tranh công dân, khẳng định rằng người Mỹ gốc Hoa vừa thuộc về di sản văn minh phương Đông, vừa là chủ thể tích cực của lịch sử Mỹ. Như vậy, thay vì bị giới hạn bởi cái nhìn bảo tàng hóa văn hóa (museum-ized Chineseness), các nhà văn giai đoạn này đã chuyển căn tính dân tộc thành một công cụ phê phán - kiến tạo, qua đó xác lập căn tính Hoa - Mỹ như một chiều kích chính trị - văn hóa không thể tách rời.

³ “Niềm tin Mỹ” là một phần quan trọng của căn tính quốc gia Mỹ, thường được coi là yếu tố quyết định duy nhất cho tính cách Mỹ. Thuật ngữ này trở nên phổ biến nhờ cuốn sách *Sự lựa chọn của Mỹ* của Gunnar Myrdal vào năm 1944. Gunnar Myrdal chỉ ra rằng mặc dù người Mỹ có sự khác biệt về chủng tộc, dân tộc, tôn giáo, vùng miền và kinh tế, nhưng họ vẫn có những điểm chung, đó là: một khí chất xã hội và một niềm tin chính trị, gọi là “niềm tin Mỹ” (American Creed).

Tuyên bố căn tính Mỹ trong văn học gốc Á không mang tính thuận phục văn hóa chủ lưu, mà là hành vi chiến lược nhằm giành quyền tự định vị. Nó đồng thời thách thức đặc quyền của xã hội da trắng trong việc độc quyền định nghĩa lịch sử và bản sắc quốc gia, đồng thời phủ nhận giả định rằng lịch sử nước Mỹ là một dòng chảy liền mạch, phi gián đoạn (Dirlik, 1994, tr. 345). Arif Dirlik cho rằng: “Xã hội Mỹ và ý nghĩa của việc trở thành người Mỹ liên tục thay đổi, vì luôn có những người Mỹ mới gia nhập - không những không hòa nhập vào cái ‘nồi nấu chảy’ của người da trắng, mà còn khẳng định cá tính của họ, cố gắng tái định nghĩa nước Mỹ từ chính vị trí ngoại biên” (Ahmed, 2005). Từ góc nhìn hậu thực dân, học giả Homi Bhabha đưa ra khái niệm “diễn ngôn thiểu số” như một phương thức “viết lại” nền văn hóa bị áp chế ở ngoại vi. Theo Bhabha, việc tái diễn giải các giá trị văn hóa từ rìa hệ thống thống trị là điều kiện tiên quyết để các nền văn hóa thứ ba khẳng định tính chính đáng và giành được tiếng nói riêng trong không gian toàn cầu. Quá trình này không chỉ là phản kháng chính trị mà còn là một cuộc “cách mạng diễn ngôn” trong trường văn bản nơi mà chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giới tính, và chủ nghĩa đế quốc bị đặt vào vòng chất vấn triệt để (Bhabha, 1994, tr. 172-210; Liu, 2003, tr. 24-27).

Người Mỹ gốc Hoa, với tư cách là một cộng đồng thiểu số tồn tại bên trong không gian văn hóa chủ lưu Hoa Kỳ, thường bị nhìn nhận như đại diện của “thế giới thứ ba” ngay trong “thế giới thứ nhất”. Trong nỗ lực kiến tạo bản sắc quốc gia Mỹ cho chính mình, họ đã chủ động “viết lại” hình ảnh của người Mỹ gốc Hoa vốn bị xuyên tạc bởi diễn ngôn chủ lưu, nhằm tái định nghĩa khái niệm “người Mỹ” và lịch sử Mỹ từ lập trường của cộng đồng bị gạt ra bên lề (Dan, 2014, tr. 22, 35). Quá trình này không chỉ là một hành vi phản kháng văn hóa, mà còn là nỗ lực xác lập căn tính công dân bình đẳng và tìm kiếm sự công nhận trong không gian quốc gia. Ngay từ những năm 1970, các tuyển tập văn học Mỹ gốc Á/gốc Hoa bắt đầu xuất hiện, mở đầu với *Aiiieeeee! Tuyển tập các nhà văn Mỹ gốc Á (Aiiieeeee! An Anthology of Asian-American)* do Hứa Giới Dục (Jeffrey Paul Chan), Frank Chin, Lawson Fusao Inada và Shawn Wong biên soạn vào năm 1974. Tuyển tập này đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử văn học Mỹ gốc Á, khi lần đầu tiên tập hợp các tiếng nói bị gạt ra ngoài rìa của văn học Mỹ chủ lưu. Từ đó đến cuối thập niên 1990, đã có hơn hai mươi tuyển tập được xuất bản. Những ấn phẩm này đóng vai trò thiết yếu trong việc thiết lập truyền thống văn học riêng, phá vỡ sự im lặng lịch sử, thách thức khuôn mẫu chủng tộc, truy tìm nhận thức bản thể và xây dựng một hình ảnh người Mỹ gốc Hoa khác biệt với hình ảnh bị áp đặt bởi văn hóa chủ lưu (Chan và cộng sự, 1974; Tu, 1993, tr. 1-2).

Trong sáng tác của các nhà văn Mỹ gốc Hoa, việc đối kháng với những hình ảnh định kiến mang tính giới - vốn gắn liền với phân biệt chủng tộc - trở thành một chiến lược then chốt trong quá trình xác lập bản sắc. Sự tái thiết hình ảnh giới tính chính là tiền đề để tái xác lập danh tính Mỹ của cộng đồng này (Dan, 2014, tr. 35). Các tác phẩm như: *Xa lộ Gunga Din* (The Gunga Din Highway) của Triệu Kiện Tú (Frank Chin), *Người Mỹ điển hình* (Typical American) của *Nhậm Bích Liên*, hay *Ăn một bát mì* (Eat a Bowl of Tea) của Chu Lộ Dịch (Louis Chu) đều góp phần tái hiện hình ảnh người Mỹ gốc Hoa với những phẩm chất dũng cảm, mạnh mẽ, trí tuệ và nam tính - đối lập với các định kiến lâu đời của xã hội chủ lưu vốn mô tả họ như những cá thể yếu đuối, lệ thuộc hoặc kỳ lạ (Kim, 1993; Cheung, 1993). Trong *Ăn một bát mì*, Chu Lộ Dịch không chỉ thể hiện nỗ lực khẳng định bản sắc nam tính, mà còn phơi bày những chính sách phân biệt chủng tộc mang tính cấu trúc, khiến nhiều thế hệ đàn ông Hoa tại Mỹ rơi vào tình trạng độc thân, mất quyền tái sản xuất và trở nên “yếu đuối” trong mắt xã hội (Chu, 1979). Tác phẩm *Cô Năm Trung Hoa* (Mrs. Spring Fragrance) của Hoàng Ngọc Tuyết (Winnifred Eaton), ra đời vào đầu thế kỷ XX trước làn sóng nữ quyền thứ hai - đã thể hiện những nỗ lực ban đầu trong việc khẳng định nhân cách độc lập của phụ nữ Mỹ gốc Hoa trong xã hội chủ lưu. Tiếp nối dòng mạch

đó, Đàm Ân Mỹ (Amy Tan), với *Hội Hỷ Phúc* (The Joy Luck Club), đã đưa độc giả vào hành trình tái sinh và tự khẳng định bản thân của các nhân vật nữ thông qua ký ức gia đình, di sản văn hóa và đối thoại liên thế hệ (Tan, 1989). Không dừng lại ở việc phản kháng các định kiến, nhiều nhà văn Mỹ gốc Hoa còn tích cực tái hiện lịch sử cộng đồng vốn bị gạt bỏ khỏi sử ký chính thống. Trong *Xa lộ Gunga Din* và *Người Trung Quốc* (The Chinese), Triệu Kiện Tú (Zhao Jianxiu) và Thang Đình Đình đã tái khẳng định vai trò của người Hoa trong công cuộc xây dựng tuyến đường sắt xuyên lục địa một hình ảnh biểu tượng cho những đóng góp nền tảng của người Hoa trong lịch sử phát triển nước Mỹ. Như Dan Dexing nhấn mạnh: nếu lịch sử - kể cả lịch sử văn học - cần được viết lại từ góc nhìn của các thế hệ và cộng đồng khác nhau, thì trong bối cảnh đa văn hóa hiện nay, việc tái hiện lịch sử từ lập trường của cộng đồng thiểu số không chỉ đơn thuần là một “tranh đấu công bằng” mà còn là một cuộc “tranh đấu quyền phát ngôn và quyền diễn giải” (Dan, 2014, tr. 22).

Một trong những nỗ lực tiêu biểu trong việc tái định nghĩa căn tính Mỹ có thể thấy rõ trong tiểu thuyết *Người Mỹ điển hình* (Typical American) của Nhậm Bích Liên. Ngay từ tiêu đề, việc tác giả chủ ý lược bỏ mạo từ “a” hoặc “the” đã hàm ý mở rộng khái niệm “người Mỹ điển hình”, nhằm vượt ra khỏi giới hạn gắn liền với hình ảnh người da trắng Anglo-Saxon theo đạo Tin Lành - vốn được xem là tiêu chuẩn của “chủ nghĩa Mỹ” truyền thống (Tu, 1993, tr. 13-15). Thay vì chỉ dừng lại ở phản ánh các vấn đề như phân biệt chủng tộc hay giới tính, tiểu thuyết đi sâu vào hành trình hình thành bản sắc cá nhân gắn liền với các giá trị cốt lõi của lý tưởng Mỹ: khát vọng vươn lên, tự do cá nhân, tinh thần tự lập và năng lực phản tư. Mặc dù không mong muốn bị gắn mác là một “nhà văn sắc tộc”, Nhậm Bích Liên vẫn thể hiện sự tôn trọng sâu sắc đối với truyền thống văn hóa gia đình, đồng thời kiên quyết phê phán quá trình đồng hóa cưỡng bức. Theo Lưu Kỷ Văn (Liu Jiwen), trong *Người Mỹ điển hình*, tác giả đã triển khai chiến lược nhận diện “tham gia” (participatory identity) - tức là tham gia vào không gian công dân của quốc gia Mỹ nhằm cùng tái định nghĩa bản sắc Mỹ, thay vì lựa chọn con đường bị đồng hóa hay tự cô lập trong các cộng đồng thiểu số. Quan điểm này được củng cố trong *Xa lộ Gunga Din* của Triệu Kiện Tú khi cha của nhân vật chính - Đường Lão Á - phát biểu rằng: trở thành người Mỹ không có nghĩa là phải từ bỏ căn tính gốc (Tu, 1993, tr. 33).

Từ các phân tích trên, có thể thấy rằng tiến trình hình thành bản sắc trong văn học Mỹ gốc Hoa không dựa trên một bản chất cố định, mà được kiến tạo thông qua quá trình viết lại ký ức - thương thuyết căn tính - tái chiếm diễn ngôn. Nếu căn tính dân tộc được thể hiện như nỗ lực phục hồi ký ức cộng đồng, diễn giải lại di sản Hoa từ góc nhìn chủ thể và chống lại sự bản chất hóa sắc tộc, thì căn tính Mỹ được khẳng định qua yêu cầu quyền bình đẳng biểu tượng và vị thế công dân trong trường văn hóa quốc gia. Hai lớp căn tính này vận hành song hành: ký ức Hoa không bị bảo tàng hóa, mà chuyển hóa thành nguồn lực phản biện; trong khi ý thức trở thành người Mỹ không còn dừng ở khát vọng hoà nhập, mà mở rộng thành quyền tái định nghĩa “tính Mỹ” từ vị trí thiểu số. Nhờ đó, các nhà văn Mỹ gốc Hoa đã kiến lập một không gian bản sắc lai - nơi cộng đồng Hoa không chỉ xuất hiện như một nhóm sắc tộc bên lề, mà như một chủ thể góp phần mở rộng nội hàm của bản sắc Mỹ và tái viết lịch sử quốc gia từ những đường ranh ngoại biên.

3. Đặc sắc và hạn chế trong sáng tác của các tác giả di cư người Mỹ gốc Hoa mới

Nếu như phần trên cho thấy tiến trình kiến tạo căn tính trong văn học Mỹ gốc Hoa diễn ra như một hành động thương thuyết liên tục giữa ký ức dân tộc và yêu cầu hiện diện trong không gian văn hóa Mỹ, thì bước sang thế hệ di cư mới, hệ hình sáng tác đã có những chuyển dịch mang tính bản lề. Các nhà văn không còn xem mình như những chủ thể bị ràng buộc giữa hai cực “quê hương - nơi đến” hay mắc kẹt trong diễn ngôn bị áp đặt, mà chủ động định hình bản sắc thông

qua việc tự lựa chọn vị trí văn hóa, giọng nói thẩm mỹ và hệ giá trị tư tưởng. Bối cảnh toàn cầu hóa, di chuyển tri thức, và truyền thông kỹ thuật số đã tạo điều kiện cho thế hệ này sở hữu tầm nhìn cởi mở và mạng lưới liên kết đa chiều, khiến căn tính của họ không chỉ gắn với sự đối chiếu Trung Hoa - Mỹ, mà còn hòa nhập vào dòng chảy văn học di dân quốc tế rộng lớn hơn. Đặc biệt, thế hệ di cư mới vừa kế thừa di sản kinh nghiệm của người đi trước - những người từng phải đối diện trực tiếp với bài ngoại, kỳ thị chủng tộc và những rào cản ngôn ngữ - vừa vượt thoát khỏi mô thức hoài niệm và đau thương như trung tâm sáng tạo. Thay vì cấu trúc bản sắc quanh “bị kịch nhập cư”, họ hướng tới hình tượng chủ thể năng động, tiếp cận đời sống Mỹ bằng tâm thế hội nhập, thử nghiệm và sáng tạo. Điều này không chỉ làm phong phú đề tài văn học, mà còn mở rộng phạm vi biểu đạt của văn học di dân từ trải nghiệm tập thể sang chiều sâu cá nhân, từ diễn ngôn kháng cự sang diễn ngôn kiến tạo.

Trong lĩnh vực thẩm mỹ, các nhà văn di cư mới cũng tạo nên bước chuyển quan trọng: họ triển khai các hình thức tự sự linh hoạt, đa giọng, đa diễn ngôn, tận dụng giao thoa văn hóa như một nguồn lực đổi mới chứ không phải ranh giới hạn chế. Những yếu tố như: vấn đề giới, tính dục, quyền lực gia đình, đời sống đô thị, thân phận tri thức toàn cầu hay những ký hiệu văn hóa mới (văn hóa tiêu dùng, mạng xã hội, lưu động kỹ thuật số) xuất hiện ngày càng rõ nét, cho thấy văn chương di cư đã bước vào quỹ đạo hiện đại hóa phức hợp. Đồng thời, họ duy trì mối dây liên kết với căn tính Hoa không bằng cách phục hồi nguyên trạng truyền thống, mà thông qua diễn giải sáng tạo, phê bình nội văn hóa và hòa nhập giá trị Á - Mỹ trong cấu trúc biểu đạt. Chính sự kết hợp giữa bối cảnh mới, tâm thế mới và chiến lược thẩm mỹ mới khiến văn học Hoa kiều di cư đương đại không còn chỉ là “bản ghi nhớ của ly hương”, mà trở thành một mô hình tồn tại văn hóa mở, nơi chủ thể di dân vừa thuộc về cộng đồng gốc, vừa định vị mình như công dân toàn cầu.

3.1. Khuynh hướng và đặc sắc trong sáng tác của các tác giả di cư người Mỹ gốc Hoa mới

Nếu như văn học của thế hệ trước thường thể hiện cảm thức về sự không thuộc về, sự ngăn cách văn hóa và phân biệt chủng tộc, thì văn học của các nhà văn di cư mới lại tập trung vào nỗ lực hòa nhập, vượt qua khác biệt, tìm kiếm căn tính cá nhân và kiến tạo bản sắc trong môi trường đa văn hóa của xã hội Mỹ đương đại. Tiêu biểu cho xu hướng này là tiểu thuyết *Lời tôi thầm lặng* (*Everything I Never Told You*) của nhà văn Mỹ gốc Hoa Ngũ Kỳ Thi (Celeste Ng). Tác phẩm đã giành giải “Sách của năm” của Amazon Mỹ năm 2014. Với cốt truyện xoay quanh một gia đình lai Trung - Mỹ, tiểu thuyết không chỉ miêu tả sinh động các mâu thuẫn trong giáo dục gia đình và sự khác biệt văn hóa, mà còn khắc họa sâu sắc nỗi cô đơn, khát vọng cảm xúc và nhu cầu được thấu hiểu của một cô gái trẻ lai Á - Mỹ. Đặc biệt, tác phẩm còn đặt ra vấn đề phổ quát của nhân loại trong thời hiện đại: “Chúng ta dành cả đời để thoát khỏi kỳ vọng của người khác và tìm ra con người thật của chính mình” một thông điệp đã tạo nên sự đồng cảm mạnh mẽ trong lòng độc giả phương Đông cũng như phương Tây (Yi, 1993, tr. 1).

Năm 2017, tác phẩm mới của Ngũ Kỳ Thi - *Đốm lửa nhỏ* (*Little Fires Everywhere*) - xoay quanh các chủ đề về đạo đức gia đình, tình yêu và sự hy sinh, đã vượt qua giới hạn chủ đề dân tộc vốn thường thấy trong các sáng tác của người Hoa, đồng thời thể hiện rõ cá tính nghệ thuật độc đáo của tác giả. Với kết cấu chặt chẽ và văn phong tinh tế, ngay sau khi ra mắt, tác phẩm đã được trao giải “Tiểu thuyết của năm 2017” bởi Amazon Mỹ và sau đó tiếp tục nhận được thêm các giải thưởng “Sách của năm” khác từ nhiều tổ chức và diễn đàn văn học uy tín. Giá trị nổi bật trong việc sáng tác xuyên văn hóa của các nhà văn di cư mới người Hoa tại Mỹ còn nằm ở khả năng vận dụng tầm nhìn rộng mở, sức sống mãnh liệt và tư thế tự tin của những “người ngoài rìa” để kiến tạo một loại hình thẩm mỹ đặc thù - “thẩm mỹ phóng khoáng”. Theo một ý nghĩa nhất định, chính loại hình thẩm mỹ này đã giúp mở rộng và kéo dài ảnh hưởng của văn học đương đại Trung Quốc ra ngoài biên giới quốc gia, đồng thời thúc đẩy quá trình hòa

nhập giữa văn hóa Đông - Tây, làm thu hẹp khoảng cách giữa văn học Trung Quốc và các nền văn học khác trên thế giới.

Nhà xã hội học nổi tiếng người Mỹ Robert Ezra Park (1864-1944), đại diện tiêu biểu của Trường phái Chicago, trong tác phẩm *Chủng tộc và Văn hóa* (*Race and Culture*, 1950) đã từng nhấn mạnh rằng những “người bên lề” sống đồng thời trong hai thế giới - và trong cả hai thế giới đó, họ đều phần nào mang thân phận ngoại lai. Tuy nhiên, chính điều này lại khiến họ trở thành những cá nhân sở hữu tầm nhìn xa hơn, tư duy sắc bén hơn và quan điểm văn hóa công bằng, lý trí hơn so với những người thuộc về “trung tâm” (Tu, 1993, tr. 35). Ví như tiểu thuyết *Điểm mù dưới lưỡi dao* (刀锋下的盲点, 2007) của nhà văn mạng người Hoa tại Mỹ Thi Vũ (Shi Yu 施雨, tên thật là Lâm Văn, Lin Wen 林雯) kể lại câu chuyện của bác sĩ người Hoa Diệp Tang, người bị vu cáo trong một sự cố y khoa tại Mỹ. Trước nguy cơ đánh mất tương lai, cô đã kiên cường phản kháng và theo đuổi sự thật. Tiểu thuyết tái hiện sống động hành trình tâm lý của phụ nữ Hoa hiện đại khi đối mặt với các xung đột và mâu thuẫn văn hóa Trung - Mỹ, từ giai đoạn nhẫn nhịn, cam chịu, đến phản kháng, đau khổ, bối rối và cuối cùng là tự tin thể hiện bản thân. Tác phẩm không chỉ phản ánh toàn diện đời sống xã hội Mỹ mà còn khám phá sâu sắc quá trình xung đột và hòa hợp giữa các dân tộc trong xã hội đa chủng tộc này. Một tác phẩm khác của Thi Vũ, *Người tình New York* (纽约情人, 2004), cũng xoay quanh bối cảnh bệnh viện, thuật lại trải nghiệm và diễn biến tâm lý của bác sĩ người Hoa Nhậm Tiểu Hàn trong thời gian công tác tại một bệnh viện ngoại ô New York. Hai tác phẩm nêu trên thể hiện rõ những đặc trưng của văn học di cư mới, đặc biệt là ở sự mở rộng không gian giao tiếp xã hội của người Hoa tại Mỹ, sự giao lưu và hợp tác bình đẳng giữa các chủng tộc, cùng với quá trình hội tụ giá trị và văn hóa phương Tây. Đặc biệt, Thi Vũ còn thể hiện một tinh thần nhân đạo mạnh mẽ khi khai thác chiều sâu tâm lý và thế giới nội tâm vượt qua ranh giới sắc tộc, nhấn mạnh những trải nghiệm chung về cảm xúc và đời sống của con người.

Văn học của cộng đồng người Hoa di cư mới tại Mỹ không đơn thuần là sản phẩm thẩm mỹ, mà còn là hành vi chính trị văn hóa nhằm kiến tạo cảm giác quy thuộc bản sắc trong bối cảnh xuyên văn hóa. Trong tình trạng lưu tán, các nhà văn thường thiếu đi sự nâng đỡ bản sắc ổn định, dẫn đến những bất an, cô đơn và khủng hoảng nhận diện. Vì vậy, tác phẩm của họ phản ánh một dạng văn học chưa có bản sắc cố định, đồng thời là hành trình không ngừng tìm kiếm và kiến tạo bản sắc. Dù lựa chọn hoài niệm cố hương hay tích cực hòa nhập vào vùng đất mới, thì đó cũng là những biểu hiện của chủ thể bản sắc trong tiến trình vận động và lựa chọn thẩm mỹ. Dưới góc độ nghệ thuật, việc lo âu về bản sắc hay nỗ lực kiến tạo bản sắc văn hóa đều là biểu hiện của hành trình tìm kiếm tự do trong cảm thức quy thuộc dân tộc cũng như tự do tâm hồn trong sự gấn bó văn hóa - một dạng mỹ học và thơ ca tối cao của đời sống con người, đặc biệt là với những cộng đồng lưu tán (Ong, 1999, tr. 2122). Rõ ràng, so với thể hệ di cư trước, các nhà văn di cư mới được nuôi dưỡng trong nền văn hóa truyền thống Trung Hoa đồng thời tiếp thu ảnh hưởng từ văn học hiện đại phương Tây. Bối cảnh văn hóa đa dạng cùng với hệ quy chiếu phong phú đã mang đến cho họ tầm nhìn rộng mở và trải nghiệm lưu tán sâu sắc hơn. Không còn bị giới hạn bởi đối lập Đông - Tây hay những mơ hồ về “căn tính vô định”, họ chủ động vượt qua ranh giới quốc gia và không gian ngôn ngữ dân tộc khép kín, tập trung vào hành trình khám phá và thể hiện bản ngã trong môi trường mới. Thông qua các chiến lược tự sự đa dạng, họ dần xây dựng nên thi pháp dân tộc đặc thù⁴, đồng thời thể hiện hành trình truy cầu ý nghĩa cuộc sống và khám phá giao thoa văn hóa giữa Đông - Tây.

⁴ “Thi pháp dân tộc đặc thù” được hiểu là hệ thống hình tượng, cấu trúc tự sự, mô thức biểu đạt và giá trị thẩm mỹ mang bản sắc của một cộng đồng văn hóa - văn học, hình thành qua lịch sử và được tái tạo trong sáng tác nghệ thuật.

Nhà phê bình người Mỹ gốc Hoa Vương Ái Hoa (Ong Aihwa) đã đề xuất khái niệm “quyền công dân linh hoạt” (flexible citizenship), một phạm trù đặc biệt phù hợp để lý giải sáng tác của các nhà văn di cư mới. Theo Ong (1999), “quyền công dân linh hoạt”⁵ là sản phẩm của xã hội hậu hiện đại, phản ánh một cách định vị bản sắc và phương thức tồn tại của các cá nhân sở hữu căn tính dân tộc kép hoặc đa tầng. Khái niệm này không chỉ vượt lên các ranh giới sắc tộc, ngôn ngữ và văn hóa, mà còn vượt qua tầm nhìn hạn hẹp của chủ nghĩa dân tộc, hướng đến lập trường của một “công dân toàn cầu” trong bối cảnh toàn cầu hóa (xem thêm Wu Liang, 1992). Dù các nhà văn di cư mới người Hoa tại Mỹ vẫn giữ vị thế bên lề trong không gian văn hóa - xã hội Mỹ và phải đối mặt với những nỗi đau, khó khăn hay cô lập do hoàn cảnh lưu tán mang lại, song nhiều người trong số họ không còn chỉ tập trung vào việc tái hiện hoàn cảnh sống riêng tư mang tính bi lụy hay hoài niệm. Thay vào đó, họ tích hợp cảm giác cô đơn dân tộc vào tầm nhìn xuyên văn hóa để thể hiện bản thân. Những tác giả như Ha Kim (哈金), Nghiêm Ca Linh (严歌苓), Thi Vũ (施雨), Đới Phảng (Dai Fang 戴舫) và Thiệu Quân (Shao Jun 少君) đã linh hoạt chuyển động giữa các hệ ngôn ngữ, hoặc sử dụng văn bản như một công cụ thể hiện “trải nghiệm Trung Hoa” từ bối cảnh Mỹ, vừa thể hiện nỗi niềm gắn bó với quê hương, vừa đứng ở điểm giao thoa Đông - Tây để mở rộng đối thoại văn hóa. Qua đó, họ kiến tạo một hệ nhân vật phong phú, sống động, thể hiện chiều sâu nhân tính trong không gian toàn cầu hiện đại. Cấu trúc kể chuyện mờ, không gian diễn giải ngôn ngữ phong phú trong tác phẩm của họ tạo nên sức căng tràn đầy của văn bản kể chuyện, xây dựng nên không gian kể chuyện vượt ra khỏi những suy nghĩ về quê hương và nguyện vọng dân tộc, tạo ra một phẩm chất thi pháp dân tộc mở rộng hơn. Điều này thể hiện sức hấp dẫn nghệ thuật đầy màu sắc của văn học di cư mới dưới sự hòa trộn đa văn hóa, thể hiện đặc điểm thẩm mỹ của vẻ đẹp lưu tán và suy tư về quê hương.

Một giá trị nổi bật trong sáng tác của các nhà văn di cư mới người Hoa tại Mỹ là ý nghĩa truyền bá văn hóa Trung Hoa thông qua lăng kính siêu nghiệm. Với tư cách là những cá nhân nhạy cảm sống trong môi trường xa lạ, trải nghiệm lưu tán mang lại cho họ một “góc nhìn siêu nghiệm” đặc thù, thuộc phạm trù phê bình văn hóa hậu thực dân, bao hàm hai lớp ý nghĩa: *Góc nhìn vượt khỏi kinh nghiệm thông thường*: Đây là góc nhìn hình thành từ trực giác thẩm mỹ nhạy bén của nhà văn, không phụ thuộc hoàn toàn vào kinh nghiệm thực tiễn, vượt lên trên suy tư và cảm nhận thường ngày. Nó mang tính chất phi lý, thậm chí siêu thực, cho phép tiếp cận hiện thực từ những chiều kích mới; *Góc nhìn từ ngoại vi trung tâm*: “Siêu nghiệm” ở đây còn được hiểu là cái nhìn từ vị trí rìa của trung tâm quyền lực văn hóa. Các nhà văn di cư mới có khả năng nhìn lại văn hóa Trung Hoa từ ngoài nền văn minh phương Đông, nhìn lại văn hóa phương Tây từ ngoài phương Tây, và thậm chí nhìn lại nhân loại từ một điểm quan sát vượt trên các phân loại văn minh. Đó không chỉ là sự thay đổi góc nhìn, mà còn là sự vượt thoát khỏi giới hạn thẩm mỹ mang tính địa - chính trị. Chính nhờ góc nhìn siêu nghiệm này, các nhà văn di cư mới có thể thoát khỏi những trói buộc của lịch sử, không gian và thời gian. Trong không gian nghệ thuật được kiến tạo từ trạng thái lưu tán, họ có khả năng quan sát sâu sắc các dị biệt văn hóa, nhận diện chính xác xung đột và va chạm, từ đó chuyển hóa mâu thuẫn thành tiến trình đối thoại và cân bằng giữa các nền văn hóa. Đồng thời, họ cũng phản tư về tồn tại nhân sinh thông qua việc tôn vinh giá trị nhân tính.

Đối với các nhà văn di cư mới người Hoa, “góc nhìn siêu nghiệm” không chỉ là phương

⁵ Dù có quốc tịch Mỹ và đóng góp vào đời sống văn hóa-xã hội, người Mỹ gốc Hoa vẫn thường bị xem như “người ngoài”, “không hoàn toàn là người Mỹ”. Quyền công dân của họ chỉ tồn tại ở cấp độ pháp lý, còn ở bình diện diễn ngôn và tâm thức xã hội, họ vẫn bị đặt bên lề.

tiện thẩm mỹ để diễn đạt bản sắc “lưỡng cư” giữa các nền văn hóa, mà còn mang ý nghĩa khách quan trong việc xây dựng một phương thức truyền bá văn hóa Trung Hoa đặc thù trong không gian xuyên văn hóa, đặc biệt là tại Hoa Kỳ (Ong, 1999, tr. 1819). Trong bối cảnh giao thoa văn hóa, các nhà văn di cư mới người Hoa đã vận dụng kinh nghiệm xuyên văn hóa cùng “tầm nhìn siêu nghiệm” để tiếp nhận văn hóa phương Tây, đồng thời phản tư về văn hóa và lịch sử Trung Hoa đã thấm nhuần trong bản sắc của họ. Đồng thời, cũng chính nhờ “tầm nhìn siêu nghiệm” này, họ vượt qua các rào cản văn hóa, kiến tạo nên những câu chuyện có sức căng thẩm mỹ, mở rộng không gian tự sự về tộc người. Trong đó, họ thể hiện đa dạng góc nhìn về chính trị, kinh tế, lối sống và nghệ thuật của cả phương Đông lẫn phương Tây. Những sáng tác này không chỉ góp phần làm giàu thêm cho diện mạo văn học “kiểu Trung Hoa” mà còn thúc đẩy những suy tư nhân loại về các vấn đề hiện đại mang tính phổ quát (Ong, 1999, tr. 18-19). Ví như tiểu thuyết của nhà văn di cư mới người Mỹ gốc Hoa Trần Khiêm (Chen Qian 陈谦) - *Guơng vô cùng* (《无穷镜》, 2015) - đã sử dụng hình ảnh “guơng” như một ẩn dụ trung tâm nhằm khắc họa đời sống của người Hoa tại Thung lũng Silicon trong một thế giới công nghệ phi vật thể. Tác phẩm không chỉ thể hiện chiều sâu triết học về hiện hữu và hư vô, mà còn phản ánh thực trạng ngày càng phổ biến của thời đại “guơng vô cùng” - một thời đại nơi công nghệ cao đẩy con người vào trạng thái thiếu vắng riêng tư và không còn khả năng che giấu nội tâm. Tương tự, các tác phẩm như *Tạm biệt, người Mỹ thân yêu!* (《亲爱的美国，再见！》) của Kiên Ni (Jian Ni 坚妮), *Mộng - Dành cho người bạn của tôi* (《梦--献给我的朋友》) của Đường Đào (唐涛), *Chim văn hóa* (《文化鸟》) của Thiệu Vi (Shao Wei 邵薇) và *Chim mặt trời* (《太阳鸟》) của Úc Tú (Yu Xiu 郁秀) đều làm mờ đi yếu tố xung đột và mâu thuẫn văn hóa, không còn bị ám ảnh bởi vấn đề định hình bản sắc. Thay vào đó, bằng lối viết bao dung và lý trí, họ thể hiện tinh thần vượt qua, chấp nhận đa văn hóa và vẽ nên những trạng thái hiện sinh đa chiều của con người trong các không gian văn hóa khác nhau, với tinh thần hiểu biết, đối thoại và cùng chung sống hài hòa.

Sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc trong những thập niên gần đây đã khiến văn học của cộng đồng di cư mới người Hoa tại Mỹ dần thoát khỏi vị thế yếu thế, từng bước giành lấy sự chú ý của cộng đồng học thuật toàn cầu. Tuy nhiên, chính trong hành trình đó, bản sắc văn hóa và khuynh hướng thẩm mỹ của các nhà văn vẫn mang theo “số phận lịch sử” đặc thù, không dễ tách rời. Bên cạnh những dấu ấn sáng tạo nổi bật, giới nghiên cứu cũng ghi nhận một số hạn chế và tính địa phương trong phong cách tự sự và diễn ngôn nghệ thuật của họ. Các tác phẩm đầu tay của nhiều nhà văn di cư mới người Hoa thường mang tính chất “hoạ theo” các đề tài đơn tuyến, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi cấu trúc quyền lực trong mối quan hệ giữa phương Tây và phương Đông. Như Edward W. Said đã phân tích trong *Đông phương luận (Orientalism)*⁶, quan hệ giữa phương Tây và phương Đông trong suốt nhiều thế kỷ là một quan hệ bất cân xứng, được định hình bởi hệ thống quyền lực và diễn ngôn bá quyền mang tính áp đặt. Said nhấn mạnh rằng “Đông phương học là một cơ chế quyền lực trừu tượng, một tư tưởng”, đồng thời là “một cách thức phương Tây dùng để kiểm soát, tái thiết và thống trị phương Đông” (Said, 1999, tr. 5). Trong bối cảnh đó, nhiều nhà văn di cư mới viết bằng tiếng Anh thường không thể tránh khỏi việc điều chỉnh nội dung và hình thức sáng tác để phù hợp với thị hiếu và hệ giá trị của công chúng Mỹ và xã hội chủ lưu phương Tây. Họ lựa chọn chất liệu văn hóa, phong cách biểu

⁶ Những định kiến xuất phát từ góc nhìn quyền lực phương Tây, vốn coi văn hóa Đông Á là “khác lạ”, “bí ẩn”, “lạc hậu” và cần được diễn giải qua hệ quy chiếu phương Tây. Trong tiếp nhận văn học Mỹ gốc Hoa, điều này biểu hiện qua xu hướng đọc tác phẩm như tư liệu văn hóa “ngoại lai” hơn là một sáng tạo nghệ thuật hiện đại bình đẳng.

đạt và xây dựng hình tượng nhân vật nhằm “đáp ứng” kỳ vọng về một “phương Đông tưởng tượng” vốn đã ăn sâu trong nhận thức phương Tây. Một ví dụ tiêu biểu là nhà văn Ha Kim, người đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt thành từ giới phê bình phương Tây với nhiều tác phẩm viết bằng tiếng Anh được lấy cảm hứng từ cuộc sống tại Trung Quốc. Tiểu thuyết đầu tay của ông, *Trong đầm* (《在池塘里》) (1998), kể về hành trình đấu tranh của một công nhân tên Thiệu Tân (Shao Xin) nhằm chống lại sự bất công trong nhà máy. Tác phẩm *Chờ đợi* (《等待》) (1999), đạt giải National Book Award của Mỹ, khai thác bi kịch của bác sĩ quân y Lâm Khổng - người phải chờ gần 20 năm để được ly hôn. Tuy nhiên, các mô tả về đôi chân bó nhỏ của người vợ và bối cảnh chính trị trong thời Cách mạng Văn hóa đã khiến nhiều học giả Trung Quốc đại lục chỉ trích vì tính “ngoại lai hóa” và thiên kiến chính trị. Nhà phê bình người Mỹ Dan Schneider đã mỉa mai rằng chính sự “kỳ lạ” (exoticism) và yếu tố “chính trị đúng đắn” (political correctness) đã khiến tác phẩm của Ha Kim được các giám khảo ủng hộ, như một hành động “đáp ứng” cộng đồng thiểu số trong xã hội Mỹ (Schneider, 2006, tr. 23).

Ngoài Ha Kim và Lí Dật Vân (李逸云), các nhà văn di cư mới viết bằng tiếng Trung như Tra Kiến Anh (Cha Jianying 查建英), Nghiêm Lực (Yan Li 严力), Đường Dĩnh (Tang Ying 唐颖), Trần Đan Yên (Chen Danyan 陈丹燕) và Lưu Tô La (Liu Suna 刘索拉) thường tái hiện ký ức đau thương thời Cách mạng Văn hóa, với hình ảnh phương Tây đóng vai trò là “người cứu rỗi”. Ví dụ, trong tiểu thuyết *Đến nước Mỹ, đến nước Mỹ!* (《到美国去, 到美国去》), Tra Kiến Anh thể hiện mạnh mẽ khát vọng của tầng lớp trí thức Trung Quốc những năm 1980 muốn rời bỏ quê hương để đến Mỹ. *Hành động của máu* (《血液的行为》) (2001) của Nghiêm Lực cho thấy sự tiếp nhận toàn diện văn hóa phương Tây. Tác phẩm *Những cô gái phố A Phi* (《阿飞街女生》) (2003) của Đường Dĩnh kể về số phận nhóm phụ nữ trước và sau Cách mạng Văn hóa, với phương Tây là biểu tượng của hy vọng và áp lực. Tác phẩm *Bạn không có lựa chọn nào khác* (《你别无选择》) (1985) của Lưu Tô La là dấu mốc quan trọng trong trào lưu phản truyền thống của văn học hiện đại Trung Quốc thập niên 1980, thể hiện sự ngưỡng mộ đối với chủ nghĩa hiện đại phương Tây (Yi, 1993, tr. 53).

3.2. Hạn chế và vấn đề đặt ra trong sáng tác của thế hệ di cư người Mỹ gốc Hoa mới

Không thể phủ nhận rằng các nhà văn di cư mới gốc Hoa tại Mỹ, tiêu biểu như Ha Kim luôn mong muốn đạt được một vị thế vững chắc trong xã hội chủ lưu. Quá trình sáng tác của họ phản ánh một trạng thái mâu thuẫn nội tại: một mặt mong muốn thoát khỏi những gánh nặng của văn hóa truyền thống Trung Hoa, mặt khác lại tìm kiếm những đặc điểm văn hóa khác biệt để gia tăng khả năng được công nhận trong môi trường văn học Mỹ. Chính trạng thái lưỡng phân này đã khiến nhiều tác phẩm của họ mang dấu ấn rõ nét của diễn ngôn “Đông phương luận” nhằm đáp ứng “tầm đón đợi” (horizon of expectations) của độc giả phương Tây - một chiến lược cho phép họ khẳng định sự hiện diện trong trường văn học Mỹ chủ lưu (Said, 1999, tr. 5-6). Tuy nhiên, một chuyển biến đáng chú ý là ngày càng có nhiều tác phẩm của các nhà văn di cư mới gốc Hoa thể hiện xu hướng vượt thoát khỏi diễn ngôn dân tộc luận, hướng tới tinh thần “con người toàn cầu”. Dưới nền tảng lý tính, họ bắt đầu chấp nhận sự khác biệt văn hóa, thử nghiệm các hình thức giao tiếp xuyên/đa văn hóa, nhằm tìm kiếm sự hòa nhập và chiêm nghiệm về lý tưởng nhân loại phổ quát. Điển hình là tiểu thuyết *Cuộc sống tự do* (自由生活, 2007) - tác phẩm được Ha Kim xem là đỉnh cao sáng tác sau 16 năm chuẩn bị. Tác phẩm khai thác sâu sắc đời sống của một gia đình di cư Trung Hoa, đồng thời đặt ra câu hỏi về bản chất nhân loại trong bối cảnh hội nhập văn hóa. Một ví dụ khác là tiểu thuyết *Chỉ dẫn bội bạc* (A Map of Betrayal) (2014), kể về thân phận của một điệp viên Trung Quốc hoạt động ngầm trong tổ chức CIA. Chủ đề này vượt xa các mô típ quen thuộc về Cách mạng Văn hóa và hướng đến

những xung đột sâu xa giữa trung thành và phản bội, giữa cá nhân và lịch sử. Theo Dan Schneider, điểm mạnh của tác phẩm này nằm ở chỗ nó đã “hiện ra sự phức tạp và lúng túng giữa lòng trung thành và sự phản bội và ‘tình cảm chân thực của con người’” (Schneider, 2006, tr. 2). Bên cạnh đó, một đặc điểm khác biệt của văn học di cư mới là xu hướng thực dụng trong “văn học người tìm vàng”⁷. Đối mặt với rào cản ngôn ngữ, khoảng cách văn hóa và áp lực sinh kế, người di cư buộc phải vật lộn để tồn tại, tình trạng bất ổn tâm lý là không thể tránh khỏi. Vì thế, trong giai đoạn thập niên 1990, nhiều tác phẩm văn học của các nhà văn di cư gốc Hoa tại Mỹ đã xoay quanh chủ đề mưu sinh, phản ánh chân thực quá trình đấu tranh để theo đuổi “giấc mơ Mỹ” - hình thành nên dòng văn học được gọi là “văn học người tìm vàng” hay “văn học lao động” (Wu, 1992, tr. 45-46).

Giai đoạn đầu của chính sách cải cách và mở cửa tại Trung Quốc chứng kiến sự trỗi dậy của các cộng đồng lưu học sinh, công nhân trí thức di cư sang Mỹ - nơi họ phải thích nghi với một xã hội da trắng chủ đạo, cùng với hàng loạt khác biệt văn hóa, định kiến xã hội và áp lực sinh tồn. Các trải nghiệm này đã trở thành mạch nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm văn học nổi bật, như: *Người Bắc Kinh ở New York* (《北京人在纽约》) (Tào Quế Lâm, 1991), *Phụ nữ Trung Quốc ở Manhattan* (《曼哈顿的中国女人》) (Châu Lịch, 1992), *Hai chúng tôi - Dân chơi Bắc Kinh ở New York* (《我俩--北京玩主在纽约》) (Lý Phương Phương, 1993), *Tôi làm luật sư ở Mỹ* (《我在美国当律师》) (Trương Hiểu Vũ, 1994), *Chào buổi sáng, nước Mỹ!* (Good Morning, America) (Tiết Hải Tường, 1995), *Người đẹp New York* (《纽约美人》) (Hân Lực, 2001). Đa số các tác phẩm này mang tính tự truyện hoặc bán tự truyện. Mặc dù vẫn lòng ghép nỗi hoài niệm văn hóa và mặc cảm bản sắc, song chúng đã mở rộng phạm vi phản ánh, chuyển hướng sang các khía cạnh như chính trị, kinh tế, nghề nghiệp, và đặc biệt nhấn mạnh tinh thần vượt khó, thái độ khám phá, dân thân của lớp người di cư mới.

Khái niệm “lần sóng tìm vàng ở hải ngoại”, “con sóng xuất ngoại” và khẩu hiệu “có gan làm mới có thể chiến thắng” gắn liền với hiện tượng bùng nổ sáng tác văn học của người di cư mới trong giai đoạn đầu thập niên 1990. Những chủ đề này phản ánh trực tiếp bối cảnh xã hội Trung Quốc đang chuyển mình: từ nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường, từ trật tự chính trị cứng nhắc sang ưu tiên phát triển kinh tế. Chính sự thiếu hụt vật chất đã thúc đẩy khát vọng đổi đời, trong đó “xuất ngoại” - đặc biệt là sang Mỹ - được xem như cánh cửa giải phóng khỏi đói nghèo và bất ổn. Học giả Trung Quốc Đới Cẩm Hoa (Dai Jinhua) từng nhận định rằng phần cốt lõi của quá trình chuyển đổi xã hội trong thập niên 1980-1990 là việc thay thế giải pháp văn hóa - chính trị bằng chiến lược phát triển kinh tế, thêm vào đó, trật tự mới của xã hội càng củng cố quan điểm lấy tiền bạc làm thước đo hiện thực đáng tin cậy (Dai, 1999, tr. 38). Trong bối cảnh ấy, dòng văn học hiện thực mang dấu ấn “tìm vàng” của người Hoa di cư đã gây tiếng vang lớn, khi nhiều tác phẩm phản ánh nhu cầu sống động của xã hội đang thấm đẫm chủ nghĩa vật chất và khát khao thành công. Các nhà xuất bản và truyền thông đại chúng khi ấy cũng góp phần không nhỏ trong việc đẩy mạnh ảnh hưởng của dòng văn học này. Tiêu biểu là tiểu thuyết *Phụ nữ Trung Quốc ở Manhattan* (《曼哈顿的中国女人》) của Châu Lịch (Zhou Li 周励, 1992), ngay sau khi ra mắt, đã lập tức gây chấn động văn đàn với doanh số hơn 500.000 bản chỉ trong vài tháng (Dai, 1999, tr. 39).

⁷ “Văn học người tìm vàng” (Gold-seeking Literature) là thuật ngữ chỉ dòng văn học di cư mô tả hành trình mưu sinh, vượt khó và theo đuổi “Giấc mơ Mỹ” của người Hoa tại hải ngoại, đặc biệt từ thập niên 1990. Các tác phẩm thuộc dòng này thường mang tính tự truyện, tập trung vào quá trình thích nghi với xã hội mới, vật lộn với khác biệt ngôn ngữ, văn hóa và áp lực sống để vươn lên bằng nghị lực cá nhân. Đây là dạng văn học phản ánh chân thực đời sống người lao động nhập cư, điển hình cho tinh thần thực dụng và dân thân.

Những tác phẩm thuộc dòng “văn học người tìm vàng” thường xây dựng hình tượng nhân vật chính có điểm chung: rời bỏ quê hương để thay đổi số phận, mang tinh thần mạo hiểm khám phá văn hóa Mỹ, đối mặt với môi trường sống xa lạ cùng khát vọng làm giàu mãnh liệt. Người di cư Trung Quốc được khắc họa là những cá nhân khởi đầu từ tầng lớp thấp nhất, trải qua gian khổ để rồi đạt được thành công lớn trong xã hội Mỹ. Ví dụ: *Người Bắc Kinh ở New York* (《北京人在纽约》) của Tào Quế Lâm (Cao Guilin 曹桂林), *Hai chúng tôi - Dân chơi Bắc Kinh ở New York* (《我俩--北京玩主在纽约》) của Lý Phảng Phảng (Li Fangfang 李舫舫), *Good Morning, America* của Tiết Hải Tường (Xue Haixiang 薛海翔), hay *Tôi làm luật sư ở Mỹ* (我在美国当律师) của Trương Hiểu Vũ (Zhang Xiaoyu 张晓雨) đều khai thác motif “từ tay trắng thành triệu phú”. Những câu chuyện này vừa củng cố huyền thoại về tiền bạc và tự do nơi đất Mỹ, vừa khơi dậy trí tưởng tượng và ham muốn hiểu biết thế giới bên ngoài của đại chúng Trung Quốc lúc bấy giờ. Tuy nhiên, dù đạt thành công thương mại, các tiểu thuyết đại chúng thời kỳ đầu này lại khiến giới phê bình lo ngại về giá trị nghệ thuật. Theo Đới Cẩm Hoa, đằng sau doanh số khổng lồ là những cốt truyện thô sơ, dễ dãi, mang tư duy thực dụng với một tiền đề sáng tác thấp - đó là “tư duy kẻ yếu”, khao khát tiền bạc như cứu cánh cuối cùng, thay vì một tinh thần khai phóng đích thực. Bà cũng từng nhận xét về *Phụ nữ Trung Quốc ở Manhattan*: “Chúng ta không nên kỳ vọng cuốn sách này trở thành một tác phẩm có chiều sâu tâm hồn, nhưng xét như một biên niên sử hiện tượng xã hội và bức chân dung đời sống lưu vong, nó vẫn có chức năng phản ánh nhất định” (Dai, 1999, tr. 40-41).

Một điểm khác biệt đáng lưu tâm nữa là sự phân hóa trong ký ức và ngôn ngữ giữa các nhóm nhà văn. Các tác giả di cư mới sáng tác bằng tiếng Anh như Ha Kim và Cầu Tiểu Long đóng vai trò độc đáo trong văn học toàn cầu hóa, nhưng do sống xa quê hương lâu năm, họ thường mô tả Trung Quốc qua lăng kính ký ức, nhiều khi mơ hồ và không còn gắn bó mật thiết với thực tế xã hội đương đại. Việc thiếu trải nghiệm sống đa chiều khiến một số tác phẩm giảm sút về độ nhạy cảm với hiện thực và khó tránh khỏi sự tưởng tượng khu biệt, thiếu chiều sâu phản ánh. Trước hết, cần nhấn mạnh sự khác biệt giữa tưởng tượng cá nhân và ký ức tập thể trong sáng tác của các nhà văn di cư. Ký ức cá nhân thường gắn với trải nghiệm cá thể, trong khi ký ức tập thể là sự lưu giữ có hệ thống của một nhóm, tầng lớp hoặc quốc gia về quá khứ chung. Theo nhà xã hội học Pháp Maurice Halbwachs, “ký ức tập thể” có thể tồn tại trong các hình thức truyền miệng, văn bản, phong tục, không gian văn hóa và các thực hành xã hội được thể chế hóa. Trong khi đó, tưởng tượng cá nhân là đa diện, không ổn định, và dễ bị chi phối bởi yếu tố chính trị - xã hội (Ong, 1999, tr. 5-6). Trong các tiểu thuyết của Ha Kim như *Chờ đợi* (*Waiting*, 2002) và *Người lính tốt* (*好兵*, 2003), “Trung Quốc tưởng tượng” được tái hiện qua các ký ức cá nhân mang tính đau thương - những câu chuyện của người dân thường dưới sự tàn phá của bối cảnh chính trị. Ha Kim sử dụng những “lịch sử nhỏ” mang tính cá nhân như công cụ chiếu rọi phần lịch sử quốc gia lớn hơn vốn bị che lấp. Nhờ đó, Trung Quốc trong ký ức của ông hiện lên như một bức tranh nhân sinh đa tầng - vừa hài hước, vừa tàn nhẫn, vừa dịu dàng, vừa bi kịch - tuy thế, cũng tồn tại khoảng cách không nhỏ với trải nghiệm hiện thực của đời sống đương đại.

Một điểm cần lưu ý nữa là khoảng cách giữa “tưởng tượng Trung Quốc” và hiện thực đời sống bản địa (Liu, 2003, tr. 24-27). Trường hợp tiêu biểu là nhà văn di cư Cầu Tiểu Long, người sang Mỹ từ thập niên 1980 và nổi tiếng với tiểu thuyết trinh thám như *Cái chết của Hồng Anh* (*Death of a Red Heroine*) (2000). Điểm đặc biệt trong tiểu thuyết của ông là việc kết hợp yếu tố trinh thám với bối cảnh xã hội Trung Quốc đương đại - từ vết thương của Cách mạng Văn hóa, phân hóa giàu nghèo, thiếu hụt nhà ở đến chi phí sinh hoạt tăng cao. Tuy nhiên, theo nhiều nhà nghiên cứu, bức tranh Trung Quốc của ông vẫn gói gọn trong thời kỳ “phân phối nhà tập thể” của

những năm 1980 - điều này tạo nên khoảng cách không nhỏ với thực tại Trung Quốc, đặc biệt khi các tác phẩm của ông được dịch ngược lại sang tiếng Trung. Tương tự, dù Ha Kin có khả năng sáng tác bằng tiếng Anh một cách thành thạo, nhưng các tác phẩm của ông vẫn khó nhận được sự công nhận toàn diện từ độc giả Mỹ, đồng thời cũng gặp giới hạn trong việc kết nối với độc giả trong nước. Sự khác biệt về môi trường sinh sống, bối cảnh cộng đồng và trải nghiệm xã hội khiến ông khó nắm bắt trọn vẹn những cảm xúc nội tại và các chiều sâu tâm thức vốn hình thành từ bên trong đời sống đương đại Trung Quốc. Dầu cho văn phong của ông có sự chắc chắn, giản dị, rõ ràng, thì chiều sâu phản ánh hiện thực Trung Quốc trong các sáng tác của ông vẫn khó sánh với các nhà văn đại lục như: Dư Hoa (Yu Hua), Tô Đồng (Su Tong) hay Diên Liên Khoa (Yan Lianke). Nói cách khác, nếu đặt họ trên cùng một vạch xuất phát - không xét đến yếu tố ngôn ngữ sáng tác - thì Ha Kim và Cầu Tiểu Long không có nhiều ưu thế nổi bật so với các nhà văn đại lục về bút pháp và chiều sâu tư tưởng (An, 2012, tr. 39-40).

4. Con đường phát triển của văn học người Hoa di cư mới tại Mỹ

Văn học người Hoa di cư mới tại Mỹ là kết quả tất yếu của quá trình giao lưu văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, và ở một khía cạnh nhất định, có thể xem như sự hội tụ nhân văn giữa hai nền văn hóa Trung - Mỹ trong sáng tác của các nhà văn người Hoa. Cùng với sự biến đổi của lịch sử và xã hội, văn học di cư mới thể hiện nhiều trải nghiệm lưu tán, giá trị văn hóa và đặc trưng thẩm mỹ khác nhau theo từng giai đoạn, từ đó hình thành nên một biểu hiện văn hóa đa diện. Ban đầu, các nhà văn thường phản ánh tình trạng thiếu vắng nguồn gốc tinh thần, cô đơn và ngỡ ngàng trong môi trường văn hóa mới; về sau, họ tìm kiếm “quê hương tinh thần” thông qua hồi tưởng về cố quốc. Và đến hiện nay, nhiều nhà văn đã vượt qua ranh giới Đông - Tây, tập trung khám phá giá trị phổ quát của nhân tính. Văn học người Hoa di cư tại Mỹ, nhờ đó, không chỉ phản ánh trí tuệ của cộng đồng người Hoa mà còn thể hiện sức mạnh của trí tưởng tượng thi ca thông qua các trải nghiệm cá nhân (Ong, 1999, tr. 5-6).

Từ góc nhìn phát triển xã hội và giao lưu văn hóa trong thời đại toàn cầu hóa, sáng tác lưu tán đã trở thành một trạng thái sáng tạo phổ biến trong tiến trình tương tác liên văn hóa. Sự biến đổi liên tục về thể hệ, lập trường và thân phận khiến cho các nhà văn di cư mới sở hữu nhiều cấu trúc bản sắc đa dạng, từ đó thúc đẩy sự chuyển dịch của văn học người Hoa tại Mỹ theo hướng đa văn hóa. Các tác phẩm văn học di cư mới không còn duy trì đối lập nhị nguyên giữa trung tâm - ngoại vi, Đông - Tây, mà mở rộng tiếp cận các yêu cầu văn hóa phong phú hơn. Văn học người Hoa di cư tại Mỹ vì thế được quan tâm bởi chiều sâu thẩm mỹ hiện đại và khả năng phản ánh hoàn cảnh xã hội đặc thù của các chủ thể xuyên quốc gia (Liu, 2003, tr. 24-27). Dưới tác động của tiến bộ khoa học, toàn cầu hóa kinh tế và tương tác chính trị, xu thế đa văn hóa đã trở thành một xu hướng lịch sử không thể đảo ngược. Trong thời đại mới, khi thân phận của các nhà văn di cư chuyển từ “người học” sang “người ở lại”, văn học di cư mới cũng chuyển mình từ trạng thái mô tả bản sắc bên lề sang trạng thái biểu đạt của một “công dân toàn cầu”. Cảm thức xa cách vẫn tồn tại, nhưng không còn là nỗi hoài nghi thường trực về thân phận. Họ không còn bị giới hạn trong lịch sử cá nhân hay quan niệm vật chất đơn tuyến, mà dần định hình quan điểm thẩm mỹ hướng đến sự hòa hợp giữa Đông và Tây.

Một trường hợp nổi bật có thể kể đến là Nghiêm Ca Linh. Sinh ra trong một gia đình trí thức, Nghiêm Ca Linh đã khẳng định được tên tuổi tại Trung Quốc trước khi trở thành một cây bút di cư giàu kinh nghiệm. Những trải nghiệm sống tại Mỹ mang đến cho cô một tầm nhìn bao quát hơn nhiều so với các nhà văn cùng thế hệ. Từ giai đoạn đầu với các tác phẩm như: *Phù Tang* (扶桑), *Thiếu nữ Tiểu Ngư* (少女小渔), *Nữ chủ nhà* (女房东), đến giai đoạn trung kỳ với *Người góa phụ thứ chín* (第九个寡妇), *Sử thi của một người phụ nữ* (一个女人史诗) cho đến

gần đây là *Bên giường* (床畔) (2015) và *Phương Hoa* (芳华) (2017), Nghiêm Ca Linh đã xây dựng một thế giới nghệ thuật bao trùm nhiều tầng lớp xã hội - từ gái mại dâm, sinh viên du học, người nhập cư, đến phụ nữ thành thị và trí thức trẻ. Mỗi quan tâm của cô không chỉ giới hạn trong xung đột văn hóa mà vươn tới các chiều kích nhân tính, vượt qua cả giới hạn cái nhìn cá nhân và biên giới văn hóa Đông - Tây (An, 2012, tr. 39-40). Một ví dụ tiêu biểu khác là tiểu thuyết *Quý bà chăm con đi du học* (陪读夫人) của nhà văn người Hoa Vương Chu Sinh (Wang Zhousheng 王周生). Khác với lối viết truyền thống xoay quanh khó khăn sinh tồn, tác phẩm này chuyển hướng khai thác những xung đột đạo đức, giáo dục, hôn nhân và quan niệm gia đình giữa hai nền văn hóa Đông - Tây, từ đó mở rộng không gian tự sự về khả năng hòa nhập và ảnh hưởng qua lại giữa các nền văn hóa dị biệt. Ngoài ra, truyện vừa *Công dân Mỹ* (美国公民) và *Cuộc chiến gen* (基因战争) của Thạch Tiểu Khắc (Shi Xiaoke 石小克) khắc họa các nhân vật là trí thức gốc Hoa làm việc trong Bộ Quốc phòng Mỹ hoặc các công ty công nghệ cao - những người có khả năng thích ứng văn hóa cao, tự tin vượt qua rào cản chủng tộc, đại diện cho hình ảnh “công dân toàn cầu” hiện đại (Wang, 2011, tr. 47-50; Shi, 2010, tr. 31-35).

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường Trung Quốc, cùng với sự hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quốc gia tổng hợp, đã khiến tư tưởng và tâm lý văn hóa của các nhà văn di cư mới tại Mỹ trở nên bao dung, khai phóng hơn. Các chủ đề được họ khai thác cũng dần mang tính siêu vượt, khác biệt và động thái. Học giả nổi tiếng Đỗ Duy Minh (Tu Weiming) từng đề xuất khái niệm “Trung Quốc văn hóa” (“文化中国”), khẳng định rằng Trung Quốc không chỉ là một thực thể chính trị hay xã hội mà còn là một khái niệm văn hóa mang tính biểu tượng. Tư tưởng này đã được tích hợp mạnh mẽ vào văn học di cư, nơi hình ảnh “Trung Quốc” trở thành ký ức tập thể, di sản tâm linh và “gen văn hóa” không thể thiếu trong việc kiến tạo bản sắc của người Hoa hải ngoại (Tu, 2000, tr. 78-82). Điều này cũng được minh chứng rõ ràng trong các sáng tác gần đây của nhà văn Lí Dật Vân. Bà sang Mỹ du học từ năm 1996 và được ca ngợi là “một giọng văn mới trong thế giới văn học tiếng Anh”. Dù tiếng mẹ đẻ là tiếng Trung, Lí Dật Vân vẫn kiên định sáng tác bằng tiếng Anh - tương tự như Ha Kim. Các tác phẩm nổi bật của bà bao gồm: *Ngàn năm kính lễ* (*A Thousand Years of Good Prayers*, 2002), *Kẻ lang thang* (*The Vagrants*, 2009), *Cậu bé vàng, cô bé ngọc* (*Gold Boy, Emerald Girl*, 2010), *Người phụ nữ khép kín* (*A Sheltered Woman*, 2015). Các sáng tác của bà phản ánh sâu sắc những thách thức của Trung Quốc trong quá trình hiện đại hóa, đồng thời phản chiếu chân thực trạng thái tồn tại và thế giới tinh thần của con người hiện đại. Nhiều nhà phê bình phương Tây đánh giá rằng, qua các tác phẩm của cô, có thể nhìn thấy những biến chuyển trong đời sống Trung Quốc đương đại và cộng đồng người Hoa di cư - một thành tựu nổi bật về khả năng biểu đạt liên văn hóa (Li, 2011, tr. 122-125).

Tiểu thuyết *Chốn cô độc của linh hồn* (*Kinder than Solitude*, 2014) của Lí Dật Vân dựa trên sự kiện có thật về một nữ sinh Đại học Thanh Hoa bị đầu độc, từ đó mở ra một không gian hoài niệm để khai thác những vùng sáng - tối trong nội tâm và nhân tính con người. Bằng lối kể chuyện tinh tế và góc nhìn đa tầng, tác phẩm đặt ra những câu hỏi sâu sắc về ký ức, đạo đức và sự bất toàn của con người trong các mối quan hệ xã hội (Li, 2014, tr. 133-147). Tiểu thuyết gần đây nhất của bà - *Ngoài những lý do* (*Where Reasons End*, 2019) - sử dụng ngôn ngữ trầm lắng, giản dị để mô tả nỗi đau sâu sắc của một người mẹ sau cái chết của con trai mình. Thông qua hình thức đối thoại tinh thần giữa mẹ và con, tác phẩm chạm đến những giới hạn cuối cùng của ngôn ngữ trong việc biểu đạt mát mát và tình yêu vô điều kiện. Với cảm xúc chân thành và lối viết cô đọng, tác phẩm đã nhận được sự đánh giá cao từ giới phê bình, bao gồm *The New York Times*, như một đóng góp đặc biệt cho dòng văn học đau thương và phục hồi (Li, 2019, tr. 9-11).

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, internet và các nền tảng truyền

thông mới đã và đang tạo ra những thay đổi đáng kể đối với hình thức sáng tác của các nhà văn di cư mới người Hoa tại Mỹ. Đặc tính mở, phi trung tâm, tính đại chúng, khả năng truy cập tức thời và toàn cầu của internet đã xóa nhòa giới hạn truyền thống về không gian - thời gian vật lý, đồng thời mở rộng phạm vi biểu đạt và hình thành không gian mới cho sự tồn tại và phát triển của văn học. Văn học mạng di cư vì thế nổi lên như một xu hướng đáng chú ý trong tiến trình hiện đại hóa văn học người Hoa tại hải ngoại (Zhao, 2020, tr. 51-54). Khác với văn học in ấn truyền thống - vốn được cấu trúc chặt chẽ, qua nhiều giai đoạn biên tập và xuất bản - văn học mạng mang tính ngẫu hứng, linh hoạt và cá nhân hóa cao. Các bài viết có thể được xuất bản ngay tức thì, cho phép người viết tương tác trực tiếp với độc giả, đồng thời duy trì dòng chảy sáng tác không bị gián đoạn. Điều này thúc đẩy sự hình thành một cộng đồng văn hóa lưu tán mới, được kết nối bằng trải nghiệm chung về sự dịch chuyển, thông qua ngôn ngữ và tinh thần văn hóa dân tộc. Văn học mạng do đó không chỉ là phương tiện biểu đạt cá nhân mà còn là “ngôi nhà tinh thần” cho cộng đồng người Hoa tại Mỹ - nơi diễn ra giao lưu văn học và trao đổi bản sắc xuyên quốc gia (Zhao, 2020, tr. 55-57). Khả năng cập nhật theo thời gian thực của internet đã mang lại sự sống động và khả năng tái sinh liên tục cho văn học lưu tán Hoa ngữ tại Mỹ, giúp thể loại này duy trì sự đồng hành với thời đại. Sự giao thoa giữa văn học di cư mới và văn học mạng Hoa ngữ, do đó, là xu thế không thể đảo ngược, đồng thời là minh chứng cho một hình thái văn học hiện đại liên tục tái định hình bản sắc (Liu, 2020, tr. 53). Trong bối cảnh đó, các nhà văn di cư mới người Hoa tại Mỹ đã dần vượt thoát khỏi lối viết hoài niệm đơn tuyến về cố quốc. Thay vào đó, họ sử dụng kinh nghiệm sống kép - giữa Đông và Tây - để phản ánh các vấn đề phổ quát của nhân loại. Các tác phẩm thể hiện sự tinh táo trong kỹ năng tự sự, sự thấu cảm sâu sắc về nhân tính, cũng như tinh thần khai mở vượt lên trên ranh giới địa lý và văn hóa. Đây là một chuyển động văn học đáng kể, thể hiện tư duy thẩm mỹ hiện đại và năng lực hội nhập của chủ thể lưu tán.

Nhà văn Mạc Ngôn từng nhận định về văn học di cư: “Quê hương và tổ quốc trong văn học lưu tán mới là sự sáng tạo nghệ thuật của các tác giả, nó có sự khác biệt rất lớn với quê hương thực sự của ông cha tác giả. Đây là một sự vượt thoát thực sự, là một cuộc cách mạng văn học, thông qua đó các nhà văn di cư không chỉ cống hiến cho độc giả phương Tây mà còn cho toàn nhân loại những vùng đất mới. Những vùng đất này không thể tìm thấy trên địa cầu thực tế, mà chỉ tồn tại trong thế giới văn học” (Mo, 2006, tr. 330). Văn học di cư Hoa ngữ tại Mỹ vì thế là hình thái văn học xuyên biên giới, vượt khỏi lần ranh nhị nguyên Đông - Tây, trong - ngoài, trung tâm - ngoại vi. Không thể giản lược đánh giá dòng văn học này chỉ trong phạm trù “văn học phương Đông” hay “văn học phương Tây”. Đây là văn học biên giới đồng thời mang đặc tính trung tâm, một xu thế mới trong sự vận động của văn học thế giới. Trong tương lai, kỳ vọng đặt ra là các nhà văn di cư người Hoa sẽ mạnh dạn phá vỡ giới hạn nội tại trong sáng tác, vượt qua rào cản ngữ cảnh “văn hóa lưỡng cư” và từ đó giải quyết sâu sắc vấn đề bản sắc và nền tảng ngôn ngữ trong sáng tác liên văn hóa hiện đại.

5. Kết luận

Từ việc khảo sát hệ thống những hiện tượng tiêu biểu của văn học Mỹ gốc Hoa qua nhiều thế hệ, bài viết khẳng định rằng dòng văn học này đã phát triển từ vị thế ngoại biên dựa trên ký ức lưu vong và kinh nghiệm nhập cư, thành một diễn ngôn văn hóa quan trọng có khả năng can thiệp vào không gian văn hóa xã hội Mỹ và tái cấu trúc quan niệm về bản sắc. Các tác giả như: Ha Kim, Nghiêm Ca Linh và Lý Dật Vân,... đã cho thấy sự vận động từ tự sự thương lượng căn tính đến kiến tạo một mỹ học lai ghép, trong đó, bản sắc không còn bị quy chiếu vào “quê gốc” hay “điểm đến”, mà trở thành một quá trình linh hoạt, xuyên biên giới và có tính tự

phản tư cao. Hơn nữa, sự xuất hiện của văn học mạng Hoa ngữ tại Mỹ phản ánh năng lực thích ứng mới của cộng đồng sáng tác di dân, mở rộng không gian biểu đạt, đồng thời ghi nhận vai trò của kỹ thuật số trong việc định hình các hình thái văn hóa đương đại. Như vậy, văn học di cư Hoa ngữ tại Mỹ không chỉ phản ánh trải nghiệm lịch sử và đời sống cộng đồng mà còn góp phần định hình lại trường thẩm mỹ và diễn ngôn về chủ thể văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Những phân tích trên đã cho thấy rằng văn học Mỹ gốc Hoa không chỉ là nơi lưu giữ ký ức tập thể hay biểu đạt nỗi cô đơn lưu vong, mà đã vươn lên trở thành một thực hành văn hóa phản tư, có khả năng kiến tạo không gian đối thoại giữa Đông và Tây, giữa cái cá nhân và cái toàn cầu. Các nhà văn di cư không chỉ ghi lại hành trình đứt gãy hay hoài niệm, mà còn mở ra khả năng tái thiết những mô hình bản sắc mới, giàu năng lực giao thoa văn hóa và nhân học. Tuy nhiên, bài viết cũng không né tránh việc chỉ ra những giới hạn khách quan như: sự định vị cục bộ trong tiếp nhận, nguy cơ bị gán nhãn bản địa hóa hoặc ngoại lai hóa và ranh giới chưa được giải tỏa triệt để giữa “cái tôi ngoại diên” và “tập thể chủ lưu”. Trên cơ sở đó, bài viết khẳng định văn học di cư Hoa ngữ là không gian biểu đạt mang tính toàn cầu, nơi bản sắc không còn bị quy chiếu bởi biên giới lãnh thổ mà được tái thiết thông qua các trao đổi, xung đột và hòa giải văn hóa xuyên quốc gia. Những kết luận này đồng thời mở ra một số hướng đi đáng chú ý cho các nghiên cứu tiếp theo: từ khảo sát đối sánh giữa văn học di cư Hoa ngữ và các cộng đồng di cư khác, như văn học di cư người Việt chẳng hạn, nhằm tìm ra quy luật hội nhập văn hóa trong văn học toàn cầu; đến phân tích sự chuyển biến của tư duy văn chương dưới tác động của công nghệ và truyền thông mới; hoặc mở rộng nghiên cứu về vai trò của văn học di cư trong việc tái định vị hình ảnh Trung Quốc trong trí tưởng tượng xuyên quốc gia đương đại. Từ góc nhìn của văn học sử thế giới, với tư cách là một thực hành ký ức, một hình thái thẩm mỹ lai ghép cũng như một phương tiện phản kháng văn hóa, văn học di cư Hoa ngữ tại Mỹ đang và sẽ tiếp tục đóng góp những tiếng nói quan trọng cho tiến trình toàn cầu hóa văn học và sự vận động của nhân học văn chương thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

- An, H. (2012). *离散与文化记忆 [Diaspora and cultural memory]*. Nankai University Press.
- Bhabha, H. K. (1994). *The location of culture*. Routledge.
- Cheung, K. K. (1993). *Articulate silences: Hisaye Yamamoto, Maxine Hong Kingston, Joy Kogawa*. Cornell University Press.
- Cheung, K. K. (Ed.). (1997). *An interethnic companion to Asian American Literature*. Cambridge University Press.
- Chin, F. (2002). *The Gunga Din Highway*. Coffee House Press.
- Dai, J. (1999). *隐形书写——90年代中国文化研究 [Invisible writing: 1990s studies of Chinese culture]*. Jiangsu People's Publishing House.
- Dirlik, A. (1994). The postcolonial aura: Third world criticism in the age of global capitalism. *Critical Inquiry*, 20(2), 328–356. <https://jan.ucc.nau.edu/sj6/dirlikpocoaura.pdf>
- Hall, S. (1996). Cultural identity and diaspora. In P. Mongia (Ed.), *Contemporary postcolonial theory* (pp. 110–121). Arnold.
- Jen, G. (1996). *The language of America*. Harvard University Press.
- Kim, E. (1993). *Asian American literature: An introduction to the writings and their social context*. Temple University Press.
- Kingston, M. H. (1976). *The woman warrior: Memoirs of a girlhood among ghosts*. Vintage Books.
- Le, T. B. H. (2022). *Contemporary Vietnamese Overseas Women's Novels from the Perspective of Intercultural Theory*. [Doctoral dissertation, University of Education, Hue University].
- Liu, J. (2003). 西方语境下的“东方”呈现——论哈金的《等待》 [The image of the East in the Western context: On Ha Jin's *Waiting*]. *世界华文文学论坛 [World Chinese Literature Forum]*, 1, 24–27.

- Mai, T. B. N. (2021). Vấn đề di dân, nhập cư trong tiểu thuyết của nhà văn Thuận [Migration and immigration issues in the novels of writer Thuan]. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một [Thu Dau Mot University Journal of Science]*, 1(56), 56–61.
- Ng, C. (2014). *Everything I never told you*. Penguin Press.
- Ng, C. (2015). 无声告白 [Everything I never told you]. Jiangsu Literature and Art Publishing House.
- Ng, C. (2017). *Little fires everywhere*. Penguin Press.
- Nguyet, H. (2022). Văn học của người Việt ở hải ngoại: Sợi dây gắn kết với quê hương [Vietnamese diaspora literature: A bond connecting with the homeland]. *Công an Nhân dân [People's Public Security Newspaper]*. <https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/van-hoc-cua-nguoi-viet-o-hai-ngoai-soi-day-gan-ket-voi-que-huong-i656008/>
- Ong, A. (1999). *Flexible citizenship: The cultural logics of transnationality*. Duke University Press.
- Said, E. W. (1979). *Orientalism* (Original work published 1978). Vintage Books.
- Tan, A. (1989). *The joy luck club*. Putnam.
- Takaki, R. (1998). *Strangers from a different shore: A history of Asian Americans*. Little, Brown.
- Thu, V. (2021). Vietnamese literature overseas: The situation of migrant literature. *Vietnam Military Literature and Arts*. http://vannghequandoi.com.vn/binh-luan-van-nghe/van-hoc-cua-nguoi-viet-o-hai-ngoai-tinh-the-cua-van-chuong-di-dan_12823.html
- Tran, L. H. T. (2020). Các thế hệ nhà văn di dân và những đóng góp của văn học di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ [Generations of migrant writers and the contributions of Vietnamese diaspora literature in the United States]. Department of Literature, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ket-noi-van-hoa-viet/6559-c%C3%A1c-th%E1%BA%BF-h%E1%BB%87-nh%C3%A0-v%C4%83n-di-d%C3%A2n-v%C3%A0-nh%E1%BB%AFng-%C4%91%C3%B3ng-g%C3%B3p-c%E1%BB%A7a-v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc-di-d%C3%A2n-vi%E1%BB%87t-nam-t%E1%BA%A1i-hoa-k%E1%BB%B3.html>
- Tran, T. V. (2021). Ký ức và căn tính trong văn học di dân của người Việt tại Đức [Memory and identity in Vietnamese diaspora literature in Germany]. University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City. <https://hcmussh.edu.vn/news/item/8175>
- Tu, W. (1993). Cultural China: The periphery as the center. In W. Tu (Ed.), *The living tree: The changing meaning of being Chinese today* (pp. 70–86). Stanford University Press.
- Wong, S. C. (1993). *Maxine Hong Kingston*. Twayne Publishers.
- Wang, Z. (2011). 陪读夫人：文化冲突中的亲情叙述 [The accompanying wife: Narratives of kinship in cultural conflict]. China Social Sciences Press.
- Zhang, J. (2005). 文化误读与身份建构——以美籍华裔作家作品为例 [Cultural misreading and identity construction: Case studies of Chinese American writers]. *华文文学研究 [Research on Chinese-Language Literature]*, 3, 60–67.

PHỤ LỤC: DANH MỤC TÁC PHẨM

